

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P.10, Q.5, TP.HCM

SĐT: (028) 3950 5505

Số Fax: (028) 3854 6127

[www.saigonbus.com.vn](http://www.saigonbus.com.vn)

**SaigonBus®**

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2019**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

# MỤC LỤC

## 05 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Thành tích hoạt động của công ty  
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức  
Định hướng phát triển  
Các nhân tố rủi ro

## 33 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình hoạt động đầu tư  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong Vốn chủ sở hữu

## 49 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc  
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

## 57 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị  
Ban Kiểm soát  
Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích

## 21 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị  
Ban Điều hành  
Ban Kiểm soát  
Những thay đổi trong ban điều hành  
Tình hình nhân sự và Chính sách người lao động

## 41 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển tương lai  
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán

## 53 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giá trị kinh tế mang lại trong kỳ tài chính  
Về môi trường và năng lượng  
Đối với cán bộ nhân viên, khách hàng và cộng đồng

## 63 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về doanh nghiệp  
Báo cáo kiểm toán độc lập  
Bảng cân đối kế toán  
Báo cáo hoạt động kinh doanh  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
Thuyết minh báo cáo tài chính

CHƯƠNG I

**THÔNG TIN CHUNG**

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thành tích hoạt động của công ty
5. Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
6. Định hướng phát triển
7. Các nhân tố rủi ro



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN</b>
Tên giao dịch:	<b>Saigon Passenger Transport Joint Stock Company.</b>
Tên viết tắt:	SATRANCO
Giấy CNĐKDN số:	0300478044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/04/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 01/04/2020.
Vốn điều lệ:	600.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	600.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng)
Trụ sở chính	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P.10, Q.5, TP. HCM
Số điện thoại:	(028) 3950 5505
Số fax:	(028) 3854 6127
Website:	<a href="http://www.saigonbus.com.vn">www.saigonbus.com.vn</a>
Mã cổ phiếu:	<b>BSG</b>



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Công ty được thành lập theo quyết định số 217/QĐ-UB do UBND thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/04/1976, tiền thân là Công ty xe Du lịch với nhiệm vụ đưa đón cán bộ đi công tác. Trụ sở đầu tiên của Công ty được đặt tại địa chỉ 131 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

1983

Công ty được giao quản lý một số xe buýt và nhận nhiệm vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phục vụ cho người dân thành phố Hồ Chí Minh.

1992

Công ty được đổi tên thành Công ty Xe khách Sài Gòn trực thuộc Sở giao thông Công chánh (nay là Sở Giao thông vận tải) theo quyết định số 158/QĐUB ngày 03/12/1992 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

1997

Công ty được chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, thực hiện nhiệm vụ chính là vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 5350/QĐUBKT ngày 02/10/1997 của UBND thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 95/QĐ-TCNSTL ngày 26/07/1997 của Sở Giao thông Công chánh TP.HCM.

2004

Công ty trở thành thành viên của Tổng công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn (SAMCO) theo Quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15/07/2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

2006

Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 22/03/2006 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh.

2010

Công ty chuyển văn phòng về địa chỉ 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

2015

Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH một thành viên thành Công ty Cổ phần.

2016

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/04/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 19/08/2016 với số vốn điều lệ là 600.000.000.000 đồng.

Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch chứng khoán. Cổ phiếu BSG chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM vào ngày 21/12/2016.

2019

Sở Giao thông Vận tải Tp.Hồ Chí Minh đã quyết định điều chỉnh giá vé xe buýt áp dụng trên các tuyến xe có trợ giá từ Tháng 05/2019. Điều này là một trong những thuận lợi cho hoạt động của ngành xe buýt Thành phố nói chung và hoạt động của Công ty nói riêng so với những giai đoạn khó khăn trước đây.

Ngày 30/8/2019, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 3677/QĐ-UBND về ban hành Bộ đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng từ ngày 01/09/2019.



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hiện nay, Công ty đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh, nhưng hoạt động chính của Công ty tập trung vào (các) ngành nghề sau:



- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải hành khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Đào tạo lái xe;
- Các dịch vụ khác.



Hiện nay, Công ty hoạt động chủ yếu tại Tp. Hồ Chí Minh.

## ĐỊA BÀN KINH DOANH



## THÀNH TÍCH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

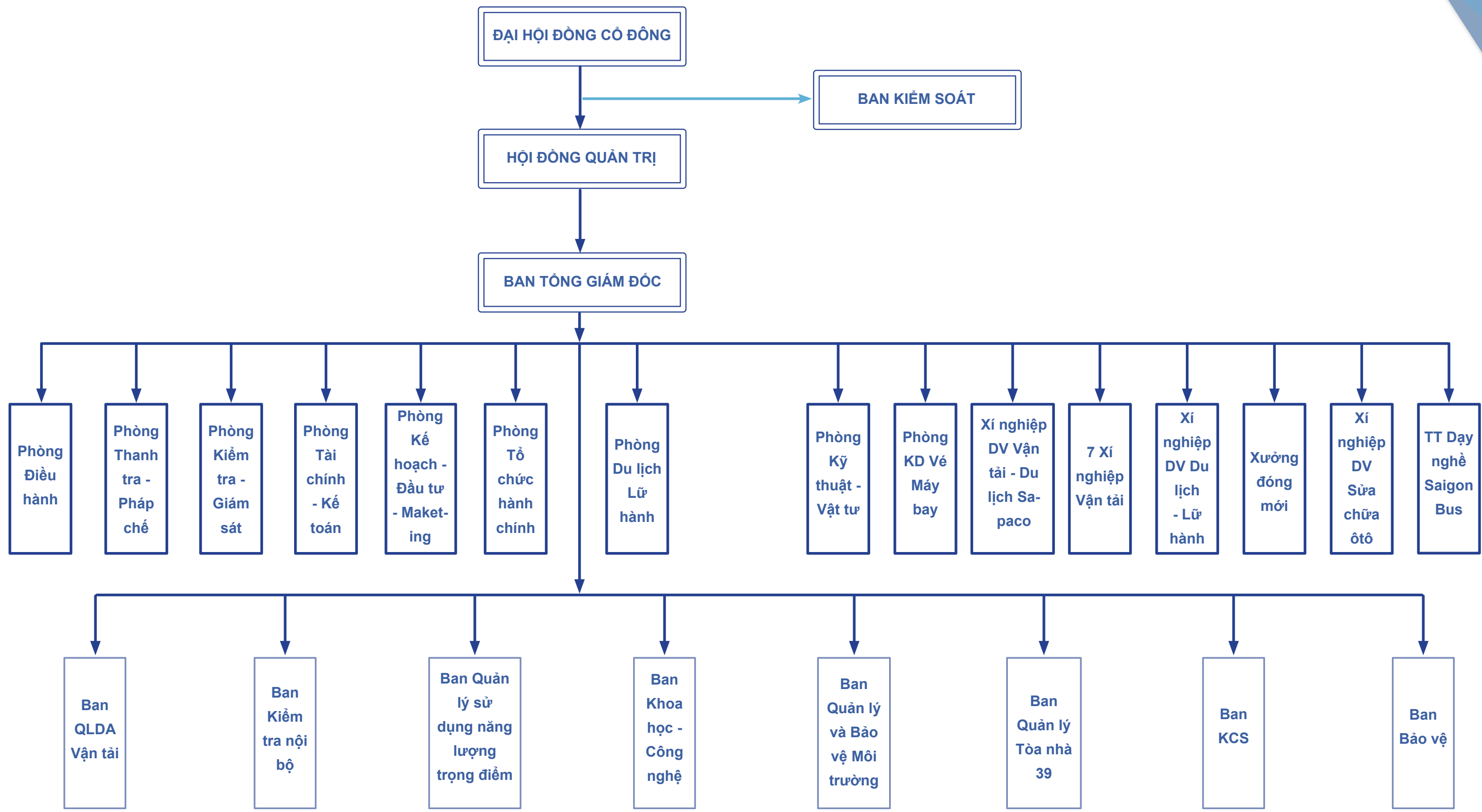


- 1981** Huân chương Lao động hạng III
- 1986** Huân chương Lao động hạng II
- 2014** Huân chương Lao động hạng III



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



**CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ**

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn hoạt động theo “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn” đã được Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn thông qua ngày 28/07/2016, dưới sự định hướng, quản trị, điều hành và giám sát của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng.

Hiện tại, các phòng, ban chức năng, các xí nghiệp trực thuộc của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn không có sự thay đổi so với trước cổ phần hóa. Trong tương lai, Công ty có thể sẽ điều chỉnh cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty sao cho phù hợp với tình hình thực tế, nhu cầu về tổ chức và xu hướng phát triển của Công ty. Tuy nhiên, những điều chỉnh này không được trái với Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Cơ cấu tổ chức trên chưa bao gồm các tổ chức Đảng, Đoàn thể theo quy định của pháp luật.

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty.
- **Hội Đồng Quản Trị (HĐQT):** là cơ quan quản lý của Công ty, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
- **Ban Kiểm soát:** là cơ quan thực hiện giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty.
- **Ban Tổng giám đốc:** Gồm 01 (một) Tổng giám đốc và (các) Phó Tổng giám đốc do Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm. Tổng giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở Điều lệ, các Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Quy chế quản trị Công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Theo Điều lệ Công ty, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- **Kế toán trưởng:** Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính và kế toán; có các quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật.

**CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

**MỤC TIÊU TỔNG QUÁT**

Khẳng định vai trò chủ lực của Công ty đối với Thành phố trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng. Tiếp tục là Công ty tiên phong trong việc áp dụng các công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng phục vụ, thu hút người dân thành phố sử dụng phương tiện vận tải công cộng.

Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác như du lịch lữ hành trong nước và quốc tế, bảo dưỡng và sửa chữa xe,... Mở rộng quy mô, xây dựng các bãi đậu xe đa chức năng theo chủ trương của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công ty rất quan tâm đến việc nâng cao đời sống cán bộ nhân viên, cố gắng ngày càng cải thiện môi trường làm việc, phương thức quản lý điều hành,... tạo tiền đề để đạt được mục tiêu phát triển ổn định, bền vững.

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN****TÂM NHÌN**

Trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực Vận tải Hành khách công cộng với mong muốn cung cấp dịch vụ tốt nhất cho người dân tại Thành phố.

**SỨ MỆNH**

- Cung cấp dịch vụ Vận tải Hành khách công cộng một cách tốt nhất, đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân, góp phần vào sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phát triển các mảng dịch vụ khác của Công ty như: Dịch vụ du lịch, Sửa chữa và đóng mới xe, Vận chuyển hành khách theo hợp đồng, Đào tạo lái xe, Đưa rước công nhân...
- Xây dựng môi trường làm việc và văn hóa công ty thân thiện, bình đẳng; mang lại mức thu nhập tốt cho người lao động.
- Sử dụng hiệu quả vốn nhà nước, không ngừng phát triển phục vụ cộng đồng, xã hội, đất nước.

**CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG**

- Trân trọng, ghi nhận các đánh giá của khách hàng từ đó có các bước cải thiện, sửa đổi để luôn giữ được chất lượng phục vụ tốt nhất.
- Hoạt động với tiêu chí: An toàn – Đúng giờ - Thân thiện – Sang trọng.

**PHƯƠNG CHÂM**

**“CHUYÊN NGHIỆP - VĂN MINH”**



**VỊ THẾ TRONG NGÀNH**

SaigonBus là doanh nghiệp khai thác lĩnh vực dịch vụ vận tải lâu đời từ năm 1976, có uy tín trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước. Hiện nay, ngoài dịch vụ Vận tải hành khách công cộng, Vận chuyển hành khách – đưa rước công nhân, du lịch lữ hành, Công ty còn phát triển các lĩnh vực khác như đào tạo lái xe, bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới các loại xe,... Với mục tiêu chủ yếu là tiếp tục cung cấp các dịch vụ thể mạnh của Công ty, những năm qua SaigonBus không ngừng cải tiến phương thức phục vụ, nâng cao tính chuyên nghiệp, đặc biệt ở hai mảng kinh doanh chính là Hoạt động công ích và Hoạt động kinh doanh dịch vụ:

**Hoạt động công ích:** Công ty được đánh giá là một trong những đơn vị chủ lực trong hoạt động xe buýt, đưa rước công nhân cố trợ giá.

**Hoạt động kinh doanh dịch vụ:** Công ty phát triển các mảng dịch vụ liên quan đến lữ hành (cả trong nước và quốc tế) như cho thuê xe hợp đồng, lữ hành du lịch, đặc biệt đẩy mạnh hoạt động vận tải hành khách Việt Nam – Campuchia. Ngoài ra, Công ty cũng hoạt động tại các mảng như kinh doanh mua bán vật tư phụ tùng, vật liệu sửa chữa ô tô, đóng mới xe khách, đào tạo lái xe 2 bánh và 4 bánh,...

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN**

Công ty luôn chú trọng xây dựng chiến lược giá cả phù hợp với chất lượng dịch vụ, với mặt bằng giá được tính toán hợp lý dựa trên các nghiên cứu và so sánh với giá cả thị trường. Hiện nay, Công ty đang hướng đến phân khúc thị trường trung và cao cấp.

Để xây dựng nền tảng vững chắc, tạo tiền đề cho sự phát triển của SaigonBus, Công ty không ngừng cải thiện phong cách phục vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh công tác quảng bá, tận tình chăm sóc khách hàng.

Song song với đó, công ty còn chú trọng vào đầu tư đổi mới phương tiện vận tải, áp dụng công nghệ để quản lý hoạt động nhằm nâng cao năng suất hoạt động; đẩy mạnh xây dựng các dự án bãi đậu xe đa năng.

Cùng với định hướng quy hoạch, phát triển ngành vận tải của Chính phủ, Ủy ban nhân dân TP.Hồ Chí Minh, SaigonBus đã xây dựng kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn 2019 – 2023 và kế hoạch riêng cho từng năm.



**CÁC RỦI RO**

**RỦI RO KINH TẾ**

Năm 2019, GDP của Việt Nam đạt 7,02%, tiếp nối sự phát triển của năm 2018, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng lớn hơn mong đợi. Theo tổng cục thống kê, ngành vận tải, kho bãi tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 9,12%. Đây là dấu hiệu cho sự phục hồi của nền kinh tế, từ đó tạo tiền đề cho sự phát triển của ngành dịch vụ công ích. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, nơi có mạng lưới xe buýt dày đặc với nhu cầu đi lại cao, là điều kiện thuận lợi cũng như thách thức đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải công cộng của BSG. Công ty cần theo dõi chặt chẽ tình hình kinh tế, dự báo nhu cầu đi lại của người dân, từ đó đưa ra các biện pháp phù hợp với từng thời điểm, từng địa điểm, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu đi lại thiết yếu của khách hàng và đạt được lợi ích cho Công ty.



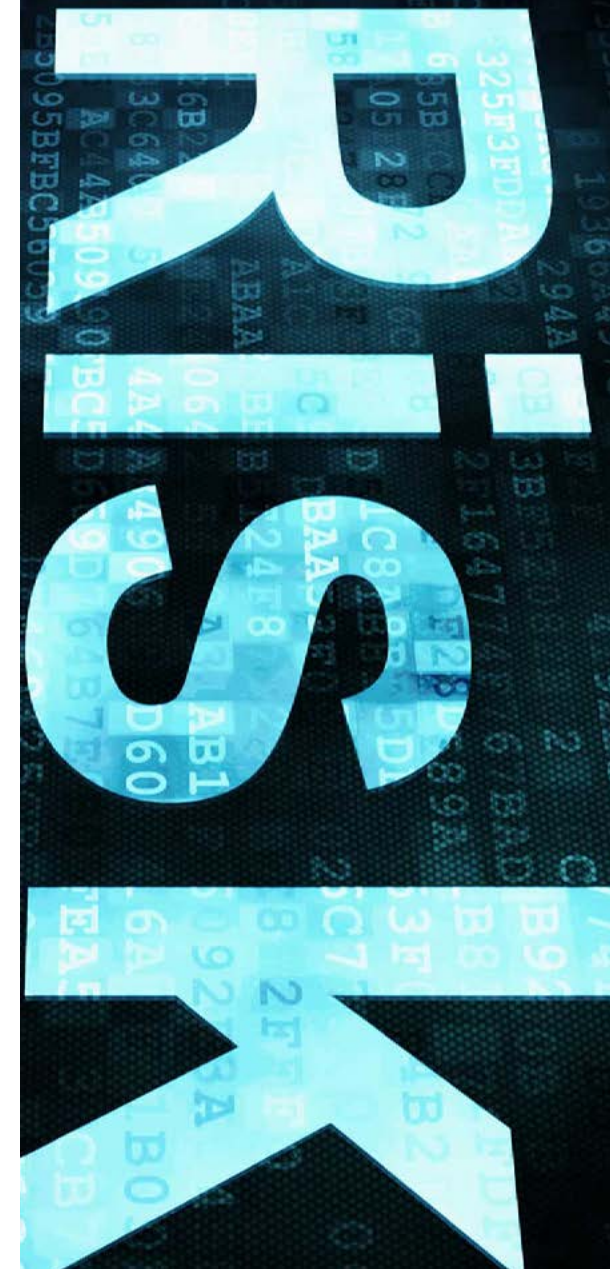
**RỦI RO PHÁP LUẬT**

Công ty hoạt động theo hình thức là Công ty cổ phần và thuộc ngành dịch vụ công ích nên đồng thời chịu chi phối từ các văn bản pháp luật về cách thức hoạt động và công bố thông tin như là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế và các Luật đặc thù như Luật Giao thông đường bộ. Ban Quản trị và Điều hành phải thường xuyên cập nhật các thay đổi của quy định, quy chế để hoạt động theo đúng khuôn khổ pháp luật ban hành bởi Nhà nước. Đồng thời, BSG cần phối hợp với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quy hoạch và phát triển Thành phố.

**RỦI RO CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO**

Hiện tại, Công ty đang sử dụng xăng dầu là nguồn nhiên liệu chính cho hoạt động vận tải hành khách, nên sự biến động giá của yếu tố này ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để khắc phục được rủi ro này, công ty cần lên kế hoạch rõ ràng và có lượng dự trữ nhất định hoặc ký hợp đồng mua hàng với các đối tác từ trước, để giảm thiểu được thiệt hại khi giá xăng dầu có sự biến động.

Bên cạnh đó trong giá vốn hàng bán, chi phí nhân công chiếm tỷ lệ không nhỏ. Vài năm gần đây Saigonbus đang phát triển hệ thống in vé tự động trên các tuyến xe buýt nhằm tối thiểu hóa chi phí này. Mặc dù vậy Công ty vẫn đảm bảo quyền lợi cho nhân viên cũng như quá trình hoạt động luôn được vận hành liên tục.





## RỦI RO CẠNH TRANH

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhu cầu đi lại của người dân là rất lớn, từ cư dân tại Thành phố đến người dân ở các tỉnh lân cận vào đi vào Thành phố. Do đó, dịch vụ vận tải công cộng tại đây phát triển hơn các khu vực khác. Saigonbus là doanh nghiệp có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động dịch vụ xe buýt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc sử dụng dịch vụ di chuyển công cộng giúp tránh phải các vấn đề như ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường từ khí thải, khói bụi. Nhưng hiện tại, cùng với sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ, ngoài dịch vụ xe buýt thì còn có các dịch vụ gọi xe công nghệ, taxi,... Các dịch vụ này với lợi thế nhanh chóng và thuận tiện đã thu hút lượng lớn khách hàng sử dụng. Bên cạnh đó, các ứng dụng công nghệ này còn thường xuyên đưa ra các khuyến mãi, quảng cáo, trực tiếp cạnh tranh giá cả với dịch vụ xe buýt, gây ra ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động công ích này. Ngoài các công ty công nghệ, các Hợp tác xã và các hãng xe buýt khác cũng gây áp lực không nhỏ cho BSG. Với sự cạnh tranh khốc liệt này, Công ty phải luôn có những kế hoạch và tầm nhìn cho tương lai: đặc biệt chú trọng việc phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác để thay đổi cơ cấu doanh thu của Công ty; đồng thời lên kế hoạch chi tiết cho việc nâng cấp và đầu tư các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động xe buýt nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và tiết kiệm chi phí tối đa.

## RỦI RO AN TOÀN HOẠT ĐỘNG VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Ngành dịch vụ là ngành có tính cạnh tranh rất lớn. Chất lượng dịch vụ và thái độ phục vụ có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng của khách hàng. Do đó Saigonbus luôn chú trọng đến việc cải thiện và nâng cao cung cách phục vụ, để duy trì được sự thân thiết với khách hàng, đảm bảo khách hàng cảm thấy hài lòng khi sử dụng dịch vụ xe buýt và tin dùng cho những lần sau. Trong công tác tuyển dụng, do đặc thù ngành, BSG thường tuyển chọn các ứng viên có sức khỏe tốt, chịu được áp lực công việc và cường độ công việc liên tục. Trong công tác đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo thái độ phục vụ nhiệt tình, tôn trọng khách hàng cũng như các nghiệp vụ liên quan. BSG đã triển khai lắp đặt các phương tiện tiện ích như máy bán vé tự động, loa thông báo, camera trên các xe để nâng cao được chất lượng phục vụ. BSG luôn nỗ lực thực hiện đúng theo phương châm “Chuyên nghiệp – Văn minh”.

Bên cạnh đó, trong môi trường dịch vụ xe buýt công cộng, khách hàng thường lo sợ các rủi ro liên quan đến tài sản cá nhân cũng như an toàn của bản thân. thấu hiểu được điều đó, Công ty yêu cầu cán bộ nhân viên đề cao tính cảnh giác, có trách nhiệm theo dõi và hỗ trợ khách hàng khi cần thiết, đồng thời Công ty cũng luôn cố gắng nâng cao công tác bảo vệ an ninh khi khách sử dụng dịch vụ, có hướng xử lý kịp thời và hợp lý khi xảy ra tình huống xấu, đảm bảo hình ảnh đẹp trong mắt khách hàng, từ đó tin dùng dịch vụ công cộng.

Ngoài ra, khi tham gia lĩnh vực vận tải, vấn đề an toàn giao thông luôn cần được quan tâm để đảm bảo an toàn cho hành khách trên xe và người dân đang tham gia giao thông. Đặc biệt với tình hình xe cộ phức tạp như địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. BSG cam kết luôn đặt an toàn của hành khách lên trên hết, đảm bảo trải nghiệm dịch vụ an toàn, tin cậy cho mỗi khách hàng.

## RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Khí thải, khói bụi từ hoạt động giao thông là một trong các nguyên nhân gây ô nhiễm tại Việt Nam, đặc biệt là tại TP.HCM do lưu lượng xe lưu thông là rất lớn. Do đó, để góp phần vào công cuộc sống sạch – sống xanh, giảm thiểu lượng khí thải độc hại thải ra môi trường, ngành dịch vụ vận chuyển công cộng – Công ty Saigonbus đã tăng cường lượng xe buýt CNG và đẩy mạnh chất lượng dịch vụ để khuyến khích người dân sử dụng phương tiện công cộng nhiều hơn, hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân để giảm thiểu khí thải độc hại ra môi trường.





CHƯƠNG II

**TỔ CHỨC VÀ  
NHÂN SỰ**

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Điều hành
3. Ban Kiểm soát
4. Tình hình nhân sự và Chính sách người lao động

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Minh Tâm	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên
Ông Trần Lâm	Thành viên
Ông Bùi Đức Thọ	Thành viên

## NGUYỄN HỒNG ANH

Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí Nông nghiệp
Địa chỉ	129 Đinh Bộ Lĩnh, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Đại diện phần vốn	7.800.000 cổ phần, tương ứng với 13% VDL - Đại diện Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)

5/1984 – 7/1985	Kỹ thuật phân xưởng Công xưởng Thành phố
1985 – 10/1987	Công ty Dừa Long Thành - Đồng Nai
1987 – 11/1993	Công ty Khoan Cấp Nước Đồng Nai
1993 – 08/1996	Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch nay là Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch - Đồng Nai
9/1996 – 6/1999	Quản đốc phân xưởng 3 Công ty Cơ khí ô tô Sài Gòn
7/1999 – 7/2004	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí ô tô Sài Gòn
8/2004 – 4/2009	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO)
5/2009 – 9/2013	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)
10/2013 – nay	Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)
08/2016 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

1983 – 12/1983	Học viên Trường Sĩ quan Kỹ thuật công binh Sông Bé (Bình Dương), tốt nghiệp cấp bậc Thiếu úy sĩ quan dự bị thuộc sư đoàn 309 Quân Đoàn 4.
1984 – 04/1999	Kỹ sư phòng kỹ thuật, phụ trách đội xe, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty, Bí thư chuyên trách Đoàn TN Công ty, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Xe khách Liên tỉnh Miền tây, nay là Công ty Cổ phần Xe khách du lịch và Dịch vụ Miền Tây.
1996 - 2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn – Thiếu tá sĩ quan dự bị
08/2016 – 03/2020	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn
08/2016 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

1986 – 1996	Cán bộ Kỹ thuật – Xưởng sửa chữa ô tô số 2 Công ty Xe Du lịch TP.HCM
1996 – 1998	Phó Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn
1998 – 2005	Trưởng Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn
2005 – 2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
2010 – 2011	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
2011 – 2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
2016 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn
08/2016 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

## ĐOÀN MINH TÂM

1960	Năm sinh
Kỹ sư cơ khí ô tô máy kéo	Trình độ chuyên môn
22F Nguyễn Thị Tân, phường 2, Quận 8, TP.HCM	Địa chỉ
206.900 cổ phần, tương ứng với 0,34% VDL	Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân

## NGUYỄN TUẤN VIỆT

1964	Năm sinh
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	Trình độ chuyên môn
42 Phạm Đôn, Phường 10, Quận 5, Hồ Chí Minh	Địa chỉ
7.200.000 cổ phần, tương ứng với 12% VDL - Đại diện Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)	Đại diện phần vốn
206.900 cổ phần, tương ứng với 0,34% VDL	Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân

## TRẦN NGỌC DÂN

Năm sinh 1953

Trình độ chuyên môn Cử nhân

Địa chỉ 57 Đông Du, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện phần vốn 14.427.400 cổ phần, tương ứng với 24,05% VDL - Đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô

1981 -1988 Phó Giám đốc Công ty Vật tư Khoa học Kỹ thuật TP.HCM

1989 – 1990 Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Khu vực II (Petrolimex)

1991 – 1992 Phó Giám đốc Công ty Mexco Bộ Công nghiệp Nhẹ

1993 – 1999 Tổng Giám đốc Công ty TNHH Lâm Long

2000 – 2012 Tổng Giám đốc Công ty City Ford

2012 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty City Ford

2006 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cửa Lò Golf Resort

2012 – nay Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Tân Thành Đô

08/2016 – nay Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

2007 – 2010 Giám đốc bán hàng Đại lý City Ford - Tập đoàn Tân Thành Đô

2009 – 2010 Tổng Giám đốc Đại lý Ford, Ford Phú Mỹ - Phát triển kinh doanh - Tập đoàn Tân Thành Đô

2010 – 2013 Tổng Giám đốc Land Rover Việt Nam

2013 – nay Phó Tổng Giám Đốc tập đoàn Tân Thành Đô

2015 - nay Tổng Giám đốc Volkswagen Việt Nam

08/2016 – nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

## TRẦN LÂM

1983 Năm sinh

Cử nhân Trình độ chuyên môn

Địa chỉ 57 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

0 cổ phần Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân

## NGUYỄN HỒ MINH

Năm sinh 1967

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Địa chỉ 195/5B Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện phần vốn 7.200.000 cổ phần – tỷ lệ 12,00%

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân 206.800 cổ phần – tỷ lệ 0,34%

12/1997 – 11/2003 Chuyên viên Phòng Kế hoạch Điều hành Công ty Xe khách Sài Gòn

12/2003 – 05/2004 Phó Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn

06/2004 – 12/2004 Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn

01/2005 – 05/2009 Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn

06/2009 – 01/2011 Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn kiêm nhiệm Giám đốc Công ty TNHH Vận tải TP.HCM

01/2011 – 08/2016 Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn

17/02/2014 – 2016 Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn

08/2016 – nay Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

2003 – 2006 Chuyên viên tư vấn – Công ty Quản trị Tiên Phong

2006 – 2008 Trưởng VP đại diện Hà Nội – Công ty CP CK Đại Việt

2010 – 2012 Phó giám đốc chi nhánh TP.HCM – Công ty Cổ phần CK An Phát

2014 – nay Giám đốc đầu tư – Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô

04/2018 – nay Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

## BÙI ĐỨC THỌ

1978 Năm sinh

Cử nhân Quản trị kinh doanh Trình độ chuyên môn

Địa chỉ B603 chung cư River Garden, 170 Nguyễn Văn Hường, Phường Thảo Điền, quận 02, TP.HCM

0 cổ phần Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân



## BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ
Ông Đoàn Minh Tâm	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 01/04/2020)
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 01/04/2020)
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 26/03/2020)
Ông Nìm Vuồn Phu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 01/08/2019)
Bà Phạm Thị Lệ Thu	Kế toán trưởng, người ủy quyền công bố thông tin

## NÌM VUỒN PHU

Năm sinh	1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Địa chỉ	1767/7/4A, Quốc lộ 1A, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần

1990 – 1992	Cán bộ Kiểm sát Chung, Kiểm sát Thi hành án – Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Tây Ninh
03/1992 – 08/1992	Cán bộ tín dụng Ngân hàng VCSB
1992 – 1997	Cán bộ Kế toán Công ty May mặc VIE-CO - HIKOSEN
1997 – 2004	Trưởng Phòng Kế toán nội bộ, Trưởng Phòng Xúc tiến Thương mại Công ty NESTLE Việt Nam
2004 – 2007	Giám đốc bán hàng kênh siêu thị Công ty FONTERRA Việt Nam
2007 – 2010	Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty tài chính VIỆT SOCIETE GENERAL
2010 – 2013	Giám đốc tài chính kinh doanh Công ty Cổ phần NIMG
2013 – 2014	Trưởng Phòng Đầu tư -Tín dụng & Hợp tác Quốc tế Quý Đầu tư phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu
2014 – nay	Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô
19/08/2016 – 09/04/2018	– Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Xe khách Sài Gòn
01/08/2019 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

17/09/2004 – 01/2010	- Phó Giám đốc tài chính Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV
01/2010 – 03/2020	- Kế toán trưởng - Giám đốc tài chính Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV
04/2020 - nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn

## PHẠM HOÀNG HIỆP

1978	Năm sinh
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán	Trình độ chuyên môn
76 Đường số 11, Khu phố 5, P.An Phú, Quận 2, TP.HCM	Địa chỉ
7.200.000 cổ phần, tương ứng 12% VDL – Đại diện Tổng Công ty cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)	Đại diện phần vốn
0 cổ phần	Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân

## PHẠM THỊ LỆ THU

1999 – 2003	Chuyên viên Phòng Tài Chính Kế toán Công Ty Xe Khách Sài Gòn
2006 – 2014	Phó phòng Tài Chính Kế Toán Công Ty Xe Khách Sài Gòn
2015 – 18/08/2016	Kế Toán trưởng Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
19/08/2016 - nay	Kế Toán trưởng Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

1977	Năm sinh
Cử nhân kinh tế	Trình độ chuyên môn
460/1 Kênh Nước Đen, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Địa chỉ
101.600 cổ phần, tương ứng với 0,17% VDL Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân



## BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ
Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Huỳnh Thị Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát

## NGUYỄN QUỐC SOẠN

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Cử nhân Luật

Địa chỉ: 37 Trần Quang Diệu, Phường 13, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

03/1978 – 12/1979: Tốt nghiệp Trung học Tài chính được Bộ Tài chính phân công vào TP. Hồ Chí Minh làm công tác đối tiền tại Phường 8, Quận 5, TP. HCM; Hết đợt đối tiền sau đó tiếp tục làm công tác cải tiến thương nghiệp vật tư thuộc Đoàn cải tiến của Bộ Tài chính.

1980 – 1986: Công tác tại Vụ thuế công thương nghiệp thuộc Bộ Tài chính.

1987 – 1990: Công tác tại Cục thuế công thương nghiệp thuộc Bộ Tài chính.

1990 – 1996: Công tác tại Tổng cục Thuế tại các tỉnh phía nam thuộc Bộ Tài Chính

1997 – 12/2017: Công tác tại Tổng cục Thuế tại các tỉnh phía nam, giữ chức vụ: Phó Trưởng phòng Thanh tra Tổng cục Thuế.

01/2018 – 03/2018: Công tác tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô

09/04/2018 – nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn

1993 – 1995: Kế toán Công ty TNHH Chế biến gỗ Đăng Quang

1995 – 2007: Nhân viên Phòng Kế toán Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn

2008 – 2016: Trưởng Phòng Kế toán Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành

01/07/2016 - nay: Phó Giám đốc Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV

19/08/2016 - nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Xe khách Sài Gòn

## HUỖNH THỊ HẠNH

1970: Năm sinh

Đại học: Trình độ chuyên môn

177/15 Bùi Hữu Nghĩa, Phường 7, Quận 5, Hồ Chí Minh: Địa chỉ

0 cổ phần: Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân

## TRẦN THỊ KIM HÒA

2013 – 08/2016: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn

8/2016 – nay: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

1990: Năm sinh

Cử nhân Tài chính Ngân hàng: Trình độ chuyên môn

17/13 Trương Công Định, Phường Thành Nhất, Thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Địa chỉ

200 cổ phần, tương ứng với 0,0003% VDL Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn: Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân

## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên thay đổi	Ngày miễn/bỏ nhiệm
Ông Vũ Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 26/03/2020)
Ông Nim Vuồn Phu	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ 01/08/2019)
Ông Đoàn Minh Tâm	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 01/04/2020)
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ 01/04/2020)



## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### TÌNH HÌNH NHÂN SỰ CỦA CÔNG TY

STT	Tính chất phân loại	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ trọng 2019 (%)
A	Theo trình độ	1.259	1.099	100,00%
1	Trình độ trên Đại học	13	13	1,18%
2	Trình độ Đại học	151	134	12,19%
3	Trình độ Cao đẳng	36	33	3,00%
4	Trình độ Trung cấp	47	42	3,82%
5	Tốt nghiệp THPT	605	490	44,59%
6	Chưa tốt nghiệp THPT	407	387	35,21%
B	Theo giới tính	1.259	1.099	100,00%
1	Nam	984	863	78,53%
2	Nữ	275	236	21,47%
C	Theo trình độ lao động	1.259	1.099	100,00%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	4	4	0,36%
2	Hợp đồng không thời hạn	822	803	73,07%
3	Hợp đồng thời hạn từ 01 – 03 năm	399	260	23,66%
4	Hợp đồng dưới 01 năm	34	36	3,28%

Cơ cấu nhân sự tính đến ngày 31/12/2019 (người)

STT	Năm	Mức lương bình quân (Triệu đồng/người/tháng)
1	2015	8.535.707
2	2016	9.210.000
3	2017	9.550.000
4	2018	9.720.000
5	2019	11.140.119

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

### CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn tuân thủ đúng quy định của Pháp luật về Quyền và lợi ích của người lao động. Tất cả người lao động của Công ty đều được ký hợp đồng lao động và đóng Bảo hiểm Xã hội theo đúng quy định của Nhà nước.

Chế độ làm việc đối với khối Văn phòng là 48h/tuần, đối với Bộ phận trực tiếp sản xuất kinh doanh là làm việc theo ca. Công ty cũng rất chú trọng đến môi trường làm việc của cán bộ nhân viên, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho người lao động, trang bị đầy đủ đồng phục, thiết bị hoạt động cho nhân viên.

Ngoài ra, các chính sách nghỉ phép, nghỉ lễ, ốm đau, thai sản cũng được thực hiện phù hợp với đặc điểm từng bộ phận, đúng quy định của Pháp luật.

Về chính sách lương thưởng và phúc lợi được Công ty xây dựng theo trình độ, cấp bậc, thâm niên của từng lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người.



CHƯƠNG III

**TÌNH HÌNH HOẠT  
ĐỘNG TRONG NĂM**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình hoạt động đầu tư
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

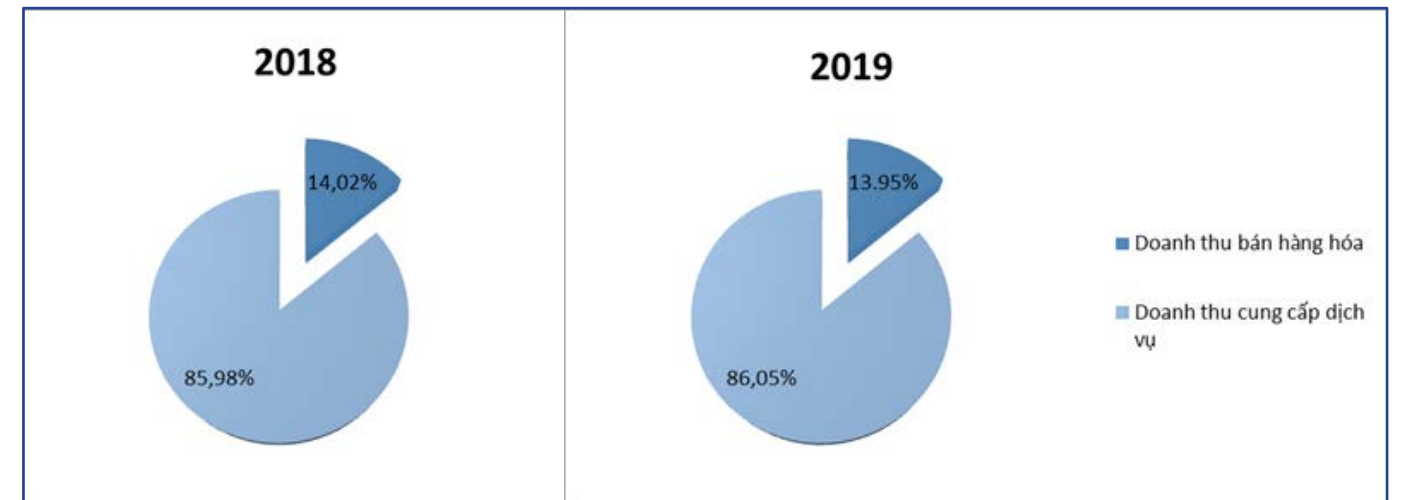
Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	(%) TH/KH
Tổng doanh thu	Triệu đồng	645.045	594.109	683.670	86,90%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	600.000	600.000	600.000	100%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-37.407	-69.071	14.400	-479,66%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-37.407	-69.071	-	-
LNST/Doanh thu thuần	%	-6,01	-11,96	-	-
LNST/Vốn điều lệ	%	-6,28	-11,51	-	-

Kết thúc năm tài chính 2019, công ty hoàn thành được 86,90% chỉ tiêu Doanh thu kế hoạch, giảm khoảng 51 tỷ đồng so với năm trước. Chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp không thay đổi, khiến lợi nhuận của Công ty lỗ 69 tỷ đồng, không đạt được mục tiêu kỳ vọng.

### CƠ CẤU DOANH THU

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hóa	88.183	14,02%	80.573	13,95%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	540.753	85,98%	496.837	86,05%
Doanh thu thuần	628.936	100,00%	577.411	100,00%



Doanh thu cung cấp dịch vụ tiếp tục chiếm tỷ trọng cao, đạt 86% trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Cho thấy hoạt động kinh doanh chủ lực của Công ty vẫn là dịch vụ vận tải.

Trong năm 2019, dịch vụ xe buýt vẫn gặp nhiều khó khăn khi lượng hành khách trên toàn thành phố tiếp tục giảm 13% so với năm trước; còn mức giá vé vẫn luôn phụ thuộc vào quy định từ cơ quan ban ngành, trong khi đó, trợ giá xe buýt năm nay vẫn chưa biết chính xác sẽ được cấp bổ sung bao nhiêu.

Hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành giảm doanh thu do tác động của việc hạn chế và kiểm soát chặt chẽ việc di du lịch của các cơ quan sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, trong đó có các khách hàng truyền thống của Công ty như Tổng Công ty cấp nước, Tổng Công ty Nông nghiệp,... ; ngoài ra hoạt động kinh doanh bán vé lẻ mới triển khai nên chưa đạt được như mong muốn.

Tuy nhiên, một số hoạt động dịch vụ khác tăng hiệu quả kinh doanh như:

- Hoạt động dịch vụ đưa rước công nhân tăng 10% so với cùng kỳ.
- Tuyển liên vận quốc tế Campuchia doanh thu tăng 10% so với cùng kỳ.
- Trung tâm đào tạo lái xe A1, B2 doanh thu tăng 58% so với cùng kỳ.

Với sự phát triển của các dịch vụ công nghệ, các nhà xe, công ty du lịch – lữ hành khác, doanh thu của công ty sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn nếu không thể chủ động trong các công tác quản lý chi phí, cũng như mở rộng quy mô các hoạt động kinh doanh khác.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

### ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN

#### Đầu tư cho xe buýt:

Hiện nay, Công ty còn 05 tuyến buýt đang hoạt động bằng phương tiện cũ. Tuy nhiên, việc đầu tư đổi mới phương tiện của các tuyến này phụ thuộc tình hình thực tế trợ giá và việc bắt buộc phải thay đổi phương tiện mới của các ban ngành liên quan.

Theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT/SGB ngày 15/8/2019 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xe buýt mới trên tuyến Công viên phần mềm Quang Trung – Khu Công nghệ cao (MST: 55) và Quyết định số 14/QĐ-HĐQT/SGB ngày 28/10/2019 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Dự án đầu tư xe buýt mới trên tuyến Công viên phần mềm Quang Trung – Khu Công nghệ cao (MST: 55), Công ty sẽ hoàn tất đầu tư 39 xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên (CNG) trong năm 2020.

#### Đầu tư cho hoạt động dịch vụ:

Đối với hoạt động dịch vụ Công ty chỉ đầu tư phương tiện khi có nhu cầu của khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Loại xe đầu tư	Số lượng (xe)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) (đã bao gồm VAT)	Khách hàng
Hyundai Solati	01	1,24	Tuyến TP. Hồ Chí Minh - Campuchia
Tổng	01	1,24	

### ĐẦU TƯ DỰ ÁN

#### Dự án bãi xe 592 Cộng Hòa:

Theo Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 22/3/2019 của HĐQT Công ty tại ĐHCĐ thường niên năm 2019: thực hiện theo tiến độ kế hoạch của Tổ dự án sau khi được HĐQT thông qua.

Về điều chỉnh quy hoạch cục bộ 1/2000 đối với khu đất 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình: Ngày 23/3/2020, Sở Quy hoạch Kiến trúc có văn bản số 979/SQHKT-QHKV2 đề nghị Sở Tài chính (Ban chỉ đạo 167) và Sở Kế hoạch Đầu tư có ý kiến chính thức bằng văn bản để Sở Quy hoạch Kiến trúc tổng hợp báo cáo UBND TP theo chỉ đạo tại văn bản số 6175/TB-VP ngày 15/7/2019 truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND TP giao các sở ban ngành có ý kiến.

#### Dự án đầu tư xây dựng bãi đậu xe tĩnh tại số 01 Phạm Hồng Thái:

Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất ngắn hạn với Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 20/3/2019, Cục thuế Thành phố đã có Quyết định số 393/QĐ-CT về việc miễn tiền thuê đất cho diện tích đậu xe buýt đối với khu đất số 01 Phạm Hồng Thái kể từ ngày 29/08/2018 đến ngày 31/12/2019.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	% Tăng giảm
Tổng tài sản	875.775.768.333	841.651.625.981	-3.90%
Doanh thu thuần	628.936.414.559	577.410.613.142	-8.19%
Lợi nhuận từ HĐKD	-51.535.232.500	-83.890.965.018	-62.78%
Lợi nhuận khác	14.127.942.478	14.819.526.566	4.90%
Lợi nhuận trước thuế	-37.407.290.022	-69.071.438.452	-84.65%
Lợi nhuận sau thuế	-37.407.290.022	-69.071.438.452	-84.65%

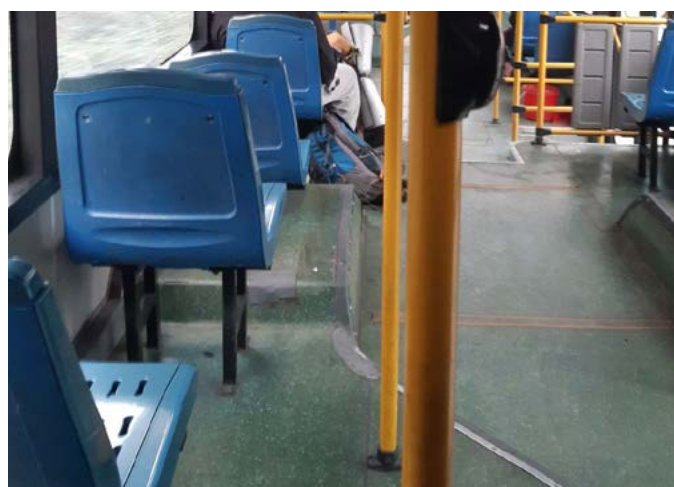
### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,93	1,04
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,60	0,88
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	33,94%	40,29%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	51,37%	67,47%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	14,48	15,66
Vòng quay tài sản	Vòng	0,69	0,67
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-5,95%	-11,96%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-6,23%	-12,78%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	-4,08%	-8,04%
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	-8,19%	-14,53%



## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán của công ty năm 2019 đều giảm, cụ thể, hệ số thanh toán là 1,04 và hệ số thanh toán nhanh là 0,88. Nguyên nhân là do nợ ngắn hạn của Công ty tăng 81,79% chủ yếu tăng hai khoản mục: phải trả người bán ngắn hạn tăng từ 57,5 lên 133 tỷ đồng và vay ngắn hạn tăng từ 57,88 lên 84,58 tỷ đồng. Trong đó, vay ngắn hạn tăng lên do các khoản vay dài hạn đến hạn trả là 44,6 tỷ đồng, còn khoản vay ngắn hạn mới phát sinh là dùng bổ sung vốn lưu động trong năm. Bên cạnh đó, khoản mục phải trả người bán ngắn hạn tăng là do trong năm, công ty đã mua 18 xe buýt dùng CNG mới của Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây.



## Năng lực hoạt động

Chỉ số Vòng quay hàng tồn kho có sự tăng nhẹ, từ 14,48 lên 15,66. Nguyên nhân chính là do hàng tồn kho vào cuối năm giảm 5,5 tỷ đồng so với cùng kỳ. Trong đó, khoản mục thành phẩm đã không còn nữa, bởi vì Công ty đã ngưng hoạt động đối với lĩnh vực kinh doanh đóng mới xe, bán somi romooc do thị trường không còn nhu cầu.

Đối với chỉ số Vòng quay tài sản thì gần như không có sự biến động vì doanh thu và tổng tài sản bình quân trong năm có sự sụt giảm tương đương nhau. Điều này cho thấy, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty chưa có bước tiến.

## Cơ cấu vốn

Do nợ ngắn hạn tăng lên đáng kể nên cơ cấu vốn năm nay cũng tăng. Tỷ lệ Nợ trên Tổng tài sản là 40,29%; tỷ lệ Nợ trên Vốn chủ sở hữu là 67,47%. Ngoài các khoản nợ dài hạn đến hạn thanh toán, trong năm công ty đã vay thêm khoản mới để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh dịch vụ xe buýt công cộng. Với cơ cấu vốn này, công ty phải nỗ lực hơn trong hoạt động kinh doanh để bù đắp chi phí lãi vay phát sinh.



## Hệ số khả năng sinh lời đều giảm trong năm 2019

Doanh thu năm 2019 giảm 8.2% so với năm trước, trong khi chi phí gần như không thay đổi khiến cho lợi nhuận của Công ty nhận giá trị âm. Để cải thiện được tình trạng này, công ty cần tích cực hơn trong công tác quản lý chi phí, đồng thời thúc đẩy các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác để thay đổi cơ cấu doanh thu, cải thiện tình hình hoạt động của Doanh nghiệp.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN

Cổ phần phổ thông đăng ký phát hành: 60.000.000 cổ phần

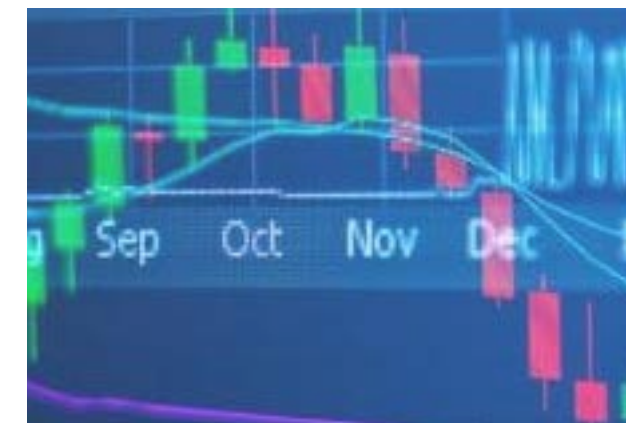
Cổ phần phổ thông đã phát hành : 60.000.000 cổ phần

Cổ phần ưu đãi : 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành : 60.000.000 cổ phần

Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 VNĐ



### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG NĂM 2019

#### Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019

Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nhà nước	0	0	0
Cổ đông trong nước	534	60.000.000	100
a. Tổ chức	03	43.897.400	73,16
b. Cá nhân	531	16.102.600	26,84
Cổ đông nước ngoài	0	0	0
Cổ phiếu quỹ	0	0	0

#### Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	% VĐL
1	Tổng công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)	29.400.000	49,00%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	14.427.400	24,05%
3	Phạm Anh Hưng	9.000.000	15,00%
4	Nguyễn Văn Thành	4.500.000	7,50%

CHƯƠNG IV

**BÁO CÁO CỦA  
BAN TỔNG GIÁM  
ĐỐC**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển tương lai
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	(%) TH/KH
Tổng doanh thu	Triệu đồng	645.045	594.109	683.670	86,90%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	600.000	600.000	600.000	100%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-37.407	-69.071	14.400	-479,66%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-37.407	-69.071	-	-
LNST/Doanh thu thuần	%	-6,01	-11,96	-	-
LNST/Vốn điều lệ	%	-6,28	-11,51	-	-

Trong năm do sản lượng vận tải hành khách công cộng toàn thành phố giảm 13% so với năm 2018 và tình hình trợ giá cho các tuyến buýt năm 2019 đến nay chưa rõ ràng, vẫn chưa biết sẽ được cấp bổ sung bao nhiêu tiền trợ giá dẫn đến doanh thu năm nay chỉ đạt 86,90% so với kế hoạch đề ra, do hoạt động buýt lỗ nặng và các chi phí giảm không nhiều, lợi nhuận trước thuế tiếp tục lỗ 69 tỷ đồng.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	% Tăng, giảm
Tài sản	875.775.768.333	841.651.625.981	-3,4%
Tài sản ngắn hạn	237.767.108.888	232.879.894.130	-2,06%
Tài sản dài hạn	638.008.659.445	608.771.731.851	-4,58%
Nguồn vốn	875.775.768.333	841.651.625.981	-3,4%
Nợ ngắn hạn	123.186.646.584	223.940.555.022	81,79%
Nợ dài hạn	174.021.015.317	115.147.978.057	-33,83%
Vốn chủ sở hữu	578.568.106.432	502.563.092.902	-13,14%

### Tài sản

Nhìn chung tài sản trong năm không có sự biến động nhiều.

Tài sản ngắn hạn trong năm giảm 2,06%. Trong năm do công ty đã ngừng kinh doanh dịch vụ đóng mới xe và bán somi romooc nên đã thanh lý một lượng hàng tồn kho tương đương khoảng 5 tỷ đồng. Khoản mục Quỹ khen thưởng trích ra chi cho người lao động là 6,7 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn giảm -4,58%. Trong đó, nguyên nhân chính là do thanh lý tài sản cố định giá trị khoảng 74 tỷ đồng. Ngoài ra các khoản mục khác thay đổi không nhiều.

### Nợ phải trả

Cơ cấu vốn năm nay, Vốn chủ sở hữu giảm xuống 60%, nguyên nhân sụt giảm là do sự thua lỗ trong kết quả kinh doanh hai năm gần đây.

Nợ ngắn hạn trong năm tăng 81,79% là do nguyên nhân đến từ các khoản nợ dài hạn đến hạn thanh toán khoảng 44,7 tỷ đồng, công ty còn vay thêm một khoản 39,9 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động trong năm. Nợ dài hạn sụt giảm chủ yếu là khoản mục vay và nợ thuê tài chính giảm 40 tỷ đồng.

# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, cơ chế quản lý của Công ty năng động, linh hoạt hơn, bộ máy quản lý của Công ty được bố trí tinh giản, gọn nhẹ.

Từng bước hoàn thiện quy trình chiến lược đào tạo nguồn nhân sự; chú trọng bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân sự hiện có và tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển đội ngũ quản lý. Ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ và người lao động được nâng lên là điều kiện để Công ty triển khai các giải pháp tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí sản xuất.

Điều chỉnh mức lương của người lao động phù hợp với chức danh, vị trí, số năm công tác và hiệu quả hoàn thành công việc.

Tiếp tục triển khai nghiên cứu và hoàn thành phần mềm quản lý nhân sự, kế toán giúp cho công tác quản trị thực hiện với chi phí thấp nhưng vẫn đạt hiệu quả cao. Việc tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh và ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, điều hành luôn được sự ủng hộ và thống nhất cao của tập thể người lao động Công ty.

Xây dựng các chính sách tiết kiệm chi phí, kế hoạch kinh doanh chi tiết, cụ thể đảm bảo phương hướng đúng với nghị quyết do Hội đồng Quản trị đề ra.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý và mô hình hoạt động theo hướng tinh gọn, linh hoạt, hiệu quả.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dịch vụ vận tải.
- Đầu tư phát triển mở rộng các hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty: đào tạo sát hạch lái xe, dịch vụ sửa chữa ô tô, hoạt động cho thuê xe.
- Đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe tĩnh cao tầng kết hợp với loại hình TM DV và văn phòng.
- Phát triển kinh doanh lĩnh vực TMDV ô tô.
- Đẩy mạnh ứng dụng của khoa học công nghệ vào trong quản lý điều hành với mục tiêu quản lý toàn diện theo hệ thống ERP.

## CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2020

Hiện nay, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã chính thức tuyên bố đại dịch toàn cầu đối với dịch viêm đường hô hấp cấp (COVID – 19) do chủng mới vi rút Corona gây ra. Năm 2020 dự kiến là một năm rất khó khăn, các ngành nghề kinh doanh đều bị đình trệ. Với tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp và chưa biết thời điểm kết thúc, nên Công ty khó dự đoán được những thay đổi của thị trường dịch vụ vận tải công cộng trong thời gian tới. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc sẽ theo dõi sát các diễn biến kinh tế, xã hội và chính trị để có thể đề ra các chỉ tiêu hoạt động cho năm 2020 phù hợp với thực tế và năng lực của Công ty.



## NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- Tổ chức, sắp xếp lại các phòng ban, xí nghiệp; Thành lập Công ty TNHH Vận tải tuyến cố định trong nước và liên vận Quốc tế.
- Tiếp tục đầu tư, đổi mới đối với các phương tiện; triển khai các ứng dụng công nghệ trong công tác kiểm soát vé ; tiến hành rà soát lại các tuyến xe bus để bố trí lại khung giờ hoạt động, số lượng xe của mỗi tuyến, nâng cao tối đa hiệu quả hoạt động của dịch vụ xe buýt.
- Đầu tư phát triển mở rộng hoạt động đào tạo sát hạch lái xe.
- Phát triển mở rộng hoạt động dịch vụ sửa chữa xe ô tô; hoạt động cho thuê xe.
- Tập trung đẩy mạnh dự án bãi đỗ xe tĩnh cao tầng kết hợp các loại hình thương mại, dịch vụ và văn phòng tại 592 Cộng Hòa.
- Tiếp tục hoàn tất thủ tục xin chỉ tiêu quy hoạch và bổ sung công năng bãi đậu xe số 01 Phạm Hồng Thái trong đó có bãi đậu xe tĩnh.
- Hoàn tất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và hợp đồng thuê đất đối với các mặt bằng của Công ty; đóng tiền thuê đất một lần đối với phần diện tích cây xăng theo Quyết định của UBND thành phố.
- Thành lập Đại lý ủy quyền kinh doanh các loại xe ô tô.
- Hoàn thiện, triển khai ứng dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp Bravo.





# GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

1. Ý kiến 1 : “Nhu được trình bày tại mục 5.5.1 (a) và 6.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có các khoản phải thu từ Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt, khoản phải thu này mới quyết toán đến năm 2013. Hiện nay, Công ty đang tính doanh thu trợ giá theo Quyết định 23/2012/QĐ-UBND ngày 09/06/2012 của Ủy ban nhân dân TP.HCM và có bổ sung kinh phí trợ giá xe buýt do điều chỉnh ca máy đối với các phương tiện đầu tư mới theo Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30/08/2019. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ năm 2014 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.”

Giải trình: Đến thời điểm Công ty lập Báo cáo tài chính và kết thúc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019, Trung tâm quản lý giao thông công cộng vẫn chưa triển khai quyết toán tiền trợ giá năm 2019 nên khoản phải thu từ trợ giá có thể thay đổi khi có quyết toán chính thức.

Ý kiến 2 : “Nhu được trình bày tại mục 5.9 của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong tài sản cố định hữu hình có 2 công trình văn phòng và 278 xe Bus với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 60.226.090.511 VND hiện đang ngưng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và chờ thanh lý theo Biên bản hợp số 05/BB-HĐQT/SGB và Nghị quyết số 09/NQ- HĐQT/SGB của Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 03 năm 2018. Kết quả lãi hoặc lỗ do thanh lý các công trình, phương tiện này sẽ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm thanh lý. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa thể hiện chi phí hao mòn của các tài sản nêu trên với giá trị khấu hao ước tính là 26.965.951.999 VND”.

Giải trình: Như ý kiến của kiểm toán đã nêu Công ty chưa thể hiện chi phí hao mòn của các tài sản cố định gồm 2 công trình văn phòng và 278 xe Bus với giá trị khấu hao ước tính là 26.965.951.999 VND là do các tài sản cố định này hiện đang tạm ngưng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh, chờ thanh lý và kết quả lãi hoặc lỗ do thanh lý các công trình, phương tiện này sẽ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm thanh lý.

3. Ý kiến 3: “ Trong năm, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị là 1.854.000.000VND. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, nếu phản ánh theo giá trị hợp lý thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng 1.854.000.000VND và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm đi tương ứng là 1.854.000.000 VND”

Giải trình: Những khoản nợ nêu trên là những khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng chưa đủ tài liệu để trích lập dự phòng theo quy định. Do đó, để không ảnh hưởng đến chi phí thuế TNDN trong kỳ Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn.

4. Ý kiến 4: “ Như được trình bày tại mục 5.15 và 5.5.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính, đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã chi vượt quỹ lương với số tiền là 3.656.375.684 VND, làm cho khoản mục tiền lương phải trả người lao động có số dư Nợ với số tiền tương ứng. Việc quyết toán quỹ lương sẽ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa xử lý khoản lương chi thừa này và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 có thể thay đổi khi quỹ lương được duyệt.”

Giải trình: Khoản chi này là khoản chi cho người lao động nhân dịp Tết dương lịch 2020, Công ty sẽ hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh của năm 2020 và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



CHƯƠNG V

# **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị
4. Giá trị kinh tế mang lại trong kỳ tài chính

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	(%) TH/KH
Tổng doanh thu	Triệu đồng	683.670	594.109	86,90%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	600.000	600.000	100%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.400	-69.071	-479,66%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-	-69.071	-

Năm 2019 là một năm khó khăn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặc dù Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty không đạt được kế hoạch mong đợi, song HĐQT vẫn ghi nhận các cố gắng, nỗ lực trong hoạt động của toàn thể nhân viên Công ty và Ban Tổng Giám đốc. Với tình hình hoạt động, Công ty đang tồn tại các điểm tích cực và hạn chế như sau:



### Tích cực

Tình hình nội bộ Công ty ổn định, đoàn kết; trách nhiệm và ý thức của người lao động được nâng lên nhất là thái độ làm việc, tinh thần trách nhiệm, ý thức tiết kiệm chi phí, đặc biệt là năng suất lao động được nâng cao hơn trước.

Cơ chế quản lý của Công ty năng động, linh hoạt hơn. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo có trình độ năng lực, nhiều kinh nghiệm trong quản lý điều hành. Bộ máy quản lý được bố trí tinh giản, gọn nhẹ. Mọi hoạt động của Công ty tiến hành theo điều lệ và quy định chặt chẽ của Công ty, luôn được sự ủng hộ và thống nhất cao của tập thể người lao động Công ty.

Công ty đã triển khai nhiều giải pháp về tổ chức lại sản xuất gắn hiệu quả công việc với thu nhập từ đó kích thích tăng năng suất lao động, một số lao động không thích ứng với môi trường mới đã tự động xin nghỉ.

### Hạn chế và nguyên nhân

Mạng lưới tuyến buýt của Thành phố hiện nay chưa có quy hoạch chính thức, thiếu các bãi hậu cần, các bãi kỹ thuật, bến trung chuyển, cơ sở hạ tầng của các tuyến buýt (trụ dừng, nhà chờ, ô sơn, biển treo, thông tin tuyến...) còn thiếu và bố trí chưa hợp lý, không thuận tiện cho hành khách đi xe và gây khó khăn cho công tác vận hành của các đơn vị vận tải.

Tình trạng kẹt xe, ùn tắc giao thông thường xuyên diễn ra gây trễ giờ, mất chuyến. Sản lượng hành khách hoạt động xe buýt của toàn mạng đang trên đà giảm sút.

Tình hình trợ giá hàng năm thường không ổn định, biến động không theo quy luật và còn phụ thuộc nhiều vào những quyết định mang tính thời điểm của các cơ quan quản lý nhà nước, điều này làm ảnh hưởng đến tính ổn định đối với hoạt động của Công ty.

Công tác tuyển dụng lái xe buýt ngày càng gặp nhiều khó khăn do thu nhập chưa tương xứng với cường độ lao động nặng nhọc, nhiều rủi ro.

Hiện nay, thành phố chỉ có 04 trạm nạp khí CNG (trạm Phố Quang, Đại học Quốc Gia, An Sương và trạm Tân Kiên) không đủ đáp ứng nhu cầu nạp khí CNG khi đầu tư thêm xe buýt.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm qua, Ban Điều hành luôn phối hợp thực hiện chặt chẽ các nghị quyết do Hội đồng Quản trị thông qua, đồng thời giám sát quá trình thực hiện để đảm bảo hiệu quả hoạt động. Hội đồng Quản trị cũng theo dõi quá trình thực hiện để kịp thời hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận vận hành.

Ban Tổng Giám đốc thường xuyên theo dõi tình hình tài chính, các công tác tài chính, từ đó xây dựng các kế hoạch kinh doanh, các giải pháp tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Mặc dù trong năm qua, hoạt động kinh doanh của Công ty chưa đạt được như kỳ vọng nhưng Ban Tổng Giám đốc đã luôn thực hiện đúng và đầy đủ các chính sách mà Hội đồng Quản trị đề ra, đồng thời tuân thủ theo đúng quyền hạn và nghĩa vụ ghi rõ trong điều lệ của Công ty và Pháp luật Việt Nam. Hội đồng Quản trị đánh giá cao sự cố gắng của Ban Tổng Giám đốc trong năm vừa qua, nhưng HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc nỗ lực hơn nữa trong việc giải quyết dứt điểm những tồn tại hạn chế của Công ty và chủ động đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hoạt động Công ty.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý và mô hình hoạt động theo hướng tinh gọn, linh hoạt, hiệu quả.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dịch vụ vận tải.
- Đầu tư phát triển mở rộng các hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty: đào tạo sát hạch lái xe, dịch vụ sửa chữa ô tô, hoạt động cho thuê xe.
- Đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe tĩnh cao tầng kết hợp với loại hình TM DV và văn phòng.
- Phát triển kinh doanh lĩnh vực TMDV ô tô.
- Đẩy mạnh ứng dụng của khoa học công nghệ vào trong quản lý điều hành với mục tiêu quản lý toàn diện theo hệ thống ERP.



CHƯƠNG VI

# **BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

1. Giá trị kinh tế mang lại trong kỳ tài chính

2. Mục tiêu và Hành động



## GIÁ TRỊ KINH TẾ MANG LẠI TRONG KỲ TÀI CHÍNH

Tiêu chí	Giá trị mang lại trong năm 2019
Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 577,41 tỷ đồng
Nộp ngân sách	Tổng khoản nộp ngân sách bằng 7,276 tỷ đồng
Người lao động	Mức lương bình quân 2019: 11.140.119 đồng/người/tháng

Trong năm, Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn gồm Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên đều cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch hoạt động với tinh thần đầy trách nhiệm. Bên cạnh đó với sự quan tâm từ phía Hội đồng Quản trị, Công ty đã có các hoạt động điều chỉnh kịp thời trong hoạt động kinh doanh nhằm duy trì sự tăng trưởng doanh thu, các chính sách được ban hành để đảm bảo các hoạt động diễn ra liên tục, duy trì công việc ổn định cho người lao động, từ đó tiếp tục duy trì được sự phát triển bền vững của Công ty.

Mỗi năm, Công ty đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, đảm bảo các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn trả đều được thanh toán đầy đủ. Sau đó, Công ty sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông theo kết quả sản xuất kinh doanh và chia tỷ lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

## MỤC TIÊU VÀ HÀNH ĐỘNG

### VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là dịch vụ vận tải, đây là lĩnh vực có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường xung quanh. Trong tình hình phát triển tại TP.HCM, việc giảm thiểu tối đa các tác nhân gây hại đến môi trường từ khói bụi, khí thải của phương tiện giao thông là một mục tiêu quan trọng. Ý thức được điều đó, Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn đã luôn chú trọng đến việc triển khai các phương tiện sử dụng nguồn nhiên liệu thân thiện với môi trường, thường xuyên cập nhật các nghiên cứu khoa học công nghệ để ứng dụng vào hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ và duy trì môi trường trong lành.

**Đầu tư vào sử dụng phương tiện vận tải “xanh”**: Từ năm 2011, Saigonbus là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải công cộng đi tiên phong trong vấn đề sử dụng phương tiện vận tải “xanh” để bảo vệ môi trường. Cho đến nay, Công ty vẫn duy trì và phát triển hệ thống xe bus sử dụng nhiên liệu CNG thân thiện với môi trường. Trong năm 2019, Công ty tiếp tục đầu tư mua 18 xe bus CNG để triển khai dự án đưa 39 xe buýt CNG vào hoạt động trên tuyến xe số 55: Công viên phần mềm Quang Trung – Khu Công nghệ cao (Q9).

**Về vấn đề tiêu thụ năng lượng làm ảnh hưởng đến môi trường**: Công ty luôn xây dựng các kế hoạch chi phí hoạt động chặt chẽ. Đặc biệt đối với các chi phí liên quan đến nguồn năng lượng như điện, nước, dầu khí, nhiên liệu, để tránh các hoạt động lãng phí, gây thiệt hại cho lợi ích và kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty đã chủ động theo dõi, đánh giá lượng tiêu thụ giữa các kỳ để có sự điều chỉnh hợp lý, kịp thời.

Đồng thời, để giảm thiểu các tác nhân gây hại đến môi trường đến từ các phương tiện phục vụ hoạt động kinh doanh, BSG cũng chú trọng xây dựng các kế hoạch đầu tư, đổi mới, bảo dưỡng máy móc thiết bị, thay mới xe cũ, đầu tư xe mới,...

## ĐỐI VỚI CÁN BỘ NHÂN VIÊN, KHÁCH HÀNG VÀ CỘNG ĐỒNG

### CÁN BỘ NHÂN VIÊN CÔNG TY

Tạo được việc làm ổn định, môi trường làm việc thân thiện, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn, nâng cao thu nhập mỗi năm cho cán bộ nhân viên của Công ty là điều kiện cho sự phát triển bền vững, lâu dài của Doanh nghiệp.



Với mong muốn mang đến sự phục vụ tuyệt vời nhất, Công ty không ngừng đổi mới và cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

### KHÁCH HÀNG

**Hệ thống giám sát hành trình (năm 2012)**: Saigonbus đã đưa vào sử dụng hệ thống giám sát hành trình thông qua GPS từ năm 2012. Với 700 xe gắn GPS được lưu trữ dữ liệu hành trình, Trung tâm điều hành trực tuyến có thể theo dõi hoạt động của các phương tiện lưu thông, kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm.

**Phần mềm hỗ trợ người dân đi xe buýt (năm 2014)**: Ứng dụng này phát triển trên nền tảng di động, giúp người sử dụng xe buýt có thông tin về lộ trình, trạm dừng, cự ly tuyến, thời gian hoạt động, thời gian giãn cách, số chuyến, loại phương tiện, xem bản đồ tuyến và dữ liệu xe trực tuyến: tính toán và xác định thời gian xe đến trạm dừng. Việc này tạo điều kiện, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ vận tải công cộng một cách dễ dàng.

### TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

An toàn luôn giao thông là mục tiêu đặt lên hàng đầu của Công ty khi hoạt động trong lĩnh vực vận tải. Do đó, Công ty thường xuyên tập huấn và rèn luyện kỹ năng cho các tài xế nhằm nâng cao tay nghề, đảm bảo được ý thức sự an toàn của hành khách và mọi người tham gia giao thông là trên hết.

Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên quan tâm đến các vấn đề cộng đồng, kịp thời hỗ trợ cho các trường hợp khó khăn, neo đơn tại địa phương để góp phần thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

CHƯƠNG VII

**QUẢN TRỊ CÔNG TY**

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch HĐQT	19/08/2016	9	100%
Ông Đoàn Minh Tâm	Thành viên	19/08/2016	9	100%
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	19/08/2016	9	100%
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	19/08/2016	9	100%
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	19/08/2016	9	100%
Ông Trần Lâm	Thành viên	19/08/2016	9	100%
Ông Bùi Đức Thọ	Thành viên	09/04/2018	9	100%

Trong năm vừa qua, Hội đồng Quản trị liên tục thông qua các nghị quyết đề ra phương hướng hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị đã đồng hành cùng với Ban Tổng Giám đốc giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời có hướng điều chỉnh hợp lý, kịp thời theo tình hình thực tế của thị trường, đảm bảo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan có hướng hoạt động đúng đắn để đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các công tác mà Hội đồng Quản trị đã triển khai như sau:

- Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng và ban hành quy chế phối hợp làm việc chi tiết, cụ thể để làm căn cứ phối hợp trong quá trình hoạt động.
- Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản trong công tác quản lý mọi hoạt động của vi: Nghị quyết, quyết định, chỉ thị,... để triển khai kịp thời các nội dung công việc, toàn bộ nội dung hiện hữu và nội dung phát sinh thực tế của Công ty.
- Quản lý điều hành công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Tiến hành đánh giá năng suất hoạt động, tiến trình hoàn thành của các dự án; giám sát chặt chẽ hoạt động của Công ty dưới sự chỉ đạo của Ban Điều hành từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch kinh doanh, chi phí phù hợp với thực trạng.

Hội đồng Quản trị nhận thấy trong năm qua, khó khăn liên quan đến phương tiện kinh doanh, nguồn lao động và cơ sở hạ tầng vẫn còn hiện hữu nhưng Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên vẫn cố gắng đạt được thành công nhất định, do đó Hội đồng Quản trị đánh giá cao tinh thần trách nhiệm và nhiệt huyết của Ban Điều hành. Hội đồng Quản trị kỳ vọng trong những năm tiếp theo, Ban Giám đốc có thể giữ vững tinh thần đó và giúp công ty đạt được những thắng lợi khác.

## CÁC NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH TRONG NĂM

Trong năm 2019, HĐQT đã ban hành 14 Nghị quyết, quyết định. Trong đó có 11 Nghị quyết, quyết định đã thực hiện xong.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ- HĐQT/SGB	24/01/2019	Về thông qua ngày tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2019
2	02/NQ- HĐQT/SGB	24/01/2019	Về thông qua quyết toán quỹ lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch năm 2019
3	03/QĐ- HĐQT/SGB	24/01/2019	Về thông qua quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2018 và quỹ lương kế hoạch năm 2019 của người lao động và Ban Điều Hành Công ty
4	04/NQ- HĐQT/SGB	24/01/2019	Về thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
5	05/QĐ- HĐQT/SGB	24/01/2019	Về thông qua kế hoạch đầu tư năm 2019
6	06/NQ- HĐQT/SGB	22/03/2019	Về thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính 2018
7	07/NQ- HĐQT/SGB	22/03/2019	Về thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn
8	08/QĐ- HĐQT/SGB	22/03/2019	Về thông qua phân phối lợi nhuận dự kiến năm 2019
9	10/QĐ- HĐQT/SGB	09/07/2019	Về sửa đổi các quy chế về tiền lương
10	11/QĐ- HĐQT/SGB	01/08/2019	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc Công ty
11	14/QĐ- HĐQT/SGB	20/09/2019	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Dự án đầu tư xe buýt mới trên tuyến Công viên phần mềm Quang Trung – Khu Công nghệ cao (MST: 55)

Trong đó có 03 Nghị quyết, quyết định đang thực hiện

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	09/QĐ - HĐQT/SGB	10/04/2019	Về việc đăng ký mở đại lý 5S của Hyundai
2	12/QĐ - HĐQT/SGB	15/08/2019	Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xe buýt mới trên tuyến Công viên phần mềm Quang Trung – Khu công nghệ cao (MST:55)
3	13/QĐ - HĐQT/SGB	20/09/2019	Về việc triển khai xây dựng công trình Văn phòng và nhà để xe Phan Văn Trị



## BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Xuân Soạn	Trưởng Ban Kiểm soát	09/04/2018	4/4	100%
2	Bà Huỳnh Thị Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	19/08/2016	4/4	100%
3	Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát	19/08/2016	4/4	100%

Ban Kiểm soát trong năm 2019 đã tiến hành các hoạt động như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm để nắm bắt rõ các nội dung công việc được thông qua, từ đó theo dõi, giám sát việc thực hiện của Ban Điều hành, đảm bảo đúng quy định và hợp pháp.
- Ban Kiểm soát cũng đưa ra các ý kiến đóng góp để hoàn thiện các chính sách theo đúng tình hình thực tế.
- Tiến hành kiểm tra và giám sát thực tế các đơn vị, xí nghiệp của Công ty trong hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn và sổ sách kế toán đảm bảo tính minh bạch và hợp pháp.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Tổng cộng
<b>Hội đồng Quản trị</b>					
Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch HĐQT			96.000.000	96.000.000
Ông Đoàn Minh Tâm	TV. HĐQT			72.000.000	72.000.000
Ông Trần Ngọc Dân	TV. HĐQT			72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Việt	TV. HĐQT			72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Hồ Minh	TV. HĐQT			72.000.000	72.000.000
Ông Trần Lâm	TV. HĐQT			72.000.000	72.000.000
Ông Bùi Đức Thọ	TV. HĐQT			72.000.000	72.000.000
Bà Phạm Thị Lệ Thu	Thư ký HĐQT			36.000.000	36.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>					
Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng BKS			300.000.000	300.000.000
Bà Huỳnh Thị Hạnh	Thành viên BKS			60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thành viên BKS			60.000.000	60.000.000
<b>Ban Điều hành</b>					
Ông Đoàn Minh Tâm	Tổng Giám Đốc	540.000.000			540.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng GĐ	480.000.000			480.000.000
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng GĐ	480.000.000			480.000.000
Ông Vũ Duy Anh	Phó Tổng GĐ	480.000.000			480.000.000
Ông Nhim Vuồn Phu (bổ nhiệm ngày 01/08/2019)	Phó Tổng GĐ	200.000.000			200.000.000
Bà Phạm Thị Lệ Thu	Kế Toán Trưởng	420.000.000			420.000.000

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động cũng như pháp luật hiện hành về quản trị Công ty.

CHƯƠNG VIII

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. Thông tin về doanh nghiệp
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán
4. Báo cáo hoạt động kinh doanh
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính



Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 (giấy phép cũ số 4104000165), đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 09 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03 tháng 10 năm 2007 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh Cửa hàng mua bán ô tô – Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn, địa chỉ tại số 01, Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 03 năm 2008 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ địa chỉ cũ: Số 131 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ mới: Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 10 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 57 tỷ VND lên thành 99 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 03 tháng 10 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 07 năm 2009 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh Cửa hàng mua bán ô tô 2 – Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn, địa chỉ tại số 343/20, Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 14 tháng 07 năm 2010 về việc bổ sung thêm 12 địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 01 năm 2011 về việc bổ sung thông tin về chi nhánh, và thay đổi một số địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 30 tháng 05 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 99 tỷ VND lên thành 185 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 19 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi một số địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 19 tháng 08 năm 2016 về việc chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần: Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn và tăng vốn điều lệ từ 185 tỷ VND lên thành 600 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 10 tháng 09 năm 2016 về việc thay đổi thông tin điện thoại liên lạc.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) – 39 505 505
- Fax : (028) – 38 546 127

Ngày 13/10/2016, Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 6887/UBCK-GSDC ngày 13/10/2016.

Ngày 02/11/2016, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán cho Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM (HNX) kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2016 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: BSG
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 60.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch theo mệnh giá: 600.000.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là :

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

## 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên
Ông Đoàn Minh Tâm	Thành viên
Ông Bùi Đức Thọ	Thành viên
Ông Trần Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ban kiểm soát

#### Họ và tên

Ông Nguyễn Quốc Soạn  
Bà Huỳnh Thị Hạnh  
Bà Trần Thị Kim Hòa

#### Chức vụ

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

### Ban điều hành, quản lý

#### Họ và tên

Ông Đoàn Minh Tâm  
Ông Nguyễn Tuấn Việt  
Ông Nguyễn Hồ Minh  
Ông Nim Vuồn Phu  
Ông Vũ Duy Anh  
Bà Phạm Thị Lệ Thu

#### Chức vụ

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 01/08/2019  
Miễn nhiệm ngày 26/03/2020

### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đoàn Minh Tâm, chức vụ Tổng Giám đốc.

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



**NGUYỄN HỒNG ANH**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như được trình bày tại mục 5.5.1 (a) và 6.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có các khoản phải thu từ Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt, khoản phải thu này mới quyết toán đến năm 2013. Năm 2019, Công ty đang tính doanh thu trợ giá theo Quyết định 23/2012/QĐ-UBND ngày 09/06/2012 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và có bổ sung kinh phí trợ giá xe buýt do điều chỉnh ca máy đối với các phương tiện đầu tư mới theo Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30/08/2019. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ năm 2014 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.
- Như được trình bày tại mục 5.9 của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong tài sản cố định hữu hình có 2 công trình văn phòng và 278 xe Bus với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 60.226.090.511 VND hiện đang ngưng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và chờ thanh lý theo Biên bản hợp số 05/BB-HĐQT/SGB và Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT/SGB của Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 03 năm 2018. Kết quả lãi hoặc lỗ do thanh lý các công trình, phương tiện này sẽ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm thanh lý. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa thể hiện chi phí hao mòn của các tài sản nêu trên với giá trị khấu hao ước tính là 26.965.951.999 VND.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- Trong năm 2019, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị là 1.854.000.000 VND. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, nếu phản ánh theo giá trị hợp lý thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng 1.854.000.000 VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi tương ứng là 1.854.000.000 VND.
- Như được trình bày tại mục 5.15 và 5.5.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính, đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã chi vượt quỹ lương với số tiền là 3.656.375.684 VND, làm cho khoản mục tiền lương phải trả người lao động có số dư Nợ với số tiền tương ứng. Việc quyết toán quỹ lương sẽ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa xử lý khoản lương chi thừa này và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 có thể thay đổi khi quỹ lương được duyệt.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRẦN ĐẶC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 2111-2018-009-1

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>26.476.651.608</b>	<b>16.378.936.495</b>
1. Tiền	111		23.091.651.608	16.378.936.495
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.385.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.260.000.000</b>	<b>5.645.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	2.260.000.000	5.645.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>147.604.626.818</b>	<b>161.175.175.983</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	43.470.796.639	32.610.802.585
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.435.210.914	9.218.160.634
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	99.491.642.880	119.781.020.891
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(793.023.615)	(434.808.127)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>34.799.879.548</b>	<b>40.369.227.245</b>
1. Hàng tồn kho	141		34.799.879.548	40.369.227.245
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.738.736.156</b>	<b>14.198.769.165</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	2.390.557.099	2.350.414.137
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.345.037.848	5.115.093.921
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	8.003.141.209	6.733.261.107
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>185.120.000</b>	<b>139.470.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	185.120.000	139.470.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>538.938.659.571</b>	<b>615.354.039.845</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	538.450.829.031	614.888.911.886
- Nguyên giá	222		1.292.432.455.006	1.366.241.148.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(753.981.625.975)	(751.352.236.607)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	487.830.540	465.127.959
- Nguyên giá	228		830.100.000	683.740.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(342.269.460)	(218.612.041)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>46.453.519.280</b>	<b>864.831.580</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	46.453.519.280	864.831.580
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.194.433.000</b>	<b>21.650.318.020</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	23.194.433.000	21.650.318.020
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>841.651.625.981</b>	<b>875.775.768.333</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>339.088.533.079</b>	<b>297.207.661.901</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>223.940.555.022</b>	<b>123.186.646.584</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12.1	133.163.269.751	57.501.126.698
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	615.003.234	736.526.234
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	456.320	464.084.095
4. Phải trả người lao động	314	5.15	736.500.000	155.500.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	546.785.893	880.161.778
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	2.024.470.049	2.405.171.295
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	1.721.457.125	886.685.278
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	84.579.862.802	57.877.530.073
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	552.749.848	2.279.861.133
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>115.147.978.057</b>	<b>174.021.015.317</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.12.2	3.721.666.684	17.088.833.344
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	678.875.000	1.521.000.148
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	110.747.436.373	155.411.181.825
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.21	<b>502.563.092.902</b>	<b>578.568.106.432</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(106.455.665.168)	(30.450.651.638)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(37.384.226.716)	23.063.306
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(69.071.438.452)	(30.473.714.944)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		9.018.758.070	9.018.758.070
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>841.651.625.981</b>	<b>875.775.768.333</b>

  
**NGUYỄN THỊ VĂN ANH**  
Người lập

  
**PHẠM THỊ LỆ THU**  
Kế toán trưởng

  
**ĐOÀN MINH TÂM**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**


Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>577.410.613.142</b>	<b>628.936.414.559</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	10	6.1	<b>577.410.613.142</b>	<b>628.936.414.559</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	588.496.430.243	607.350.077.698
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	20		<b>(11.085.817.101)</b>	<b>21.586.336.861</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	273.480.626	647.405.780
7. Chi phí tài chính	22	6.4	11.123.488.263	11.938.554.170
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.714.543.661	10.024.441.764
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	542.450.500	1.137.374.157
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	61.412.689.780	60.693.046.814
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	30		<b>(83.890.965.018)</b>	<b>(51.535.232.500)</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	16.424.658.756	15.461.074.854
12. Chi phí khác	32	6.8	1.605.132.190	1.333.132.376
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>14.819.526.566</b>	<b>14.127.942.478</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>(69.071.438.452)</b>	<b>(37.407.290.022)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	60		<b>(69.071.438.452)</b>	<b>(37.407.290.022)</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	6.9		<b>(1.267)</b>	<b>(623)</b>

  
**NGUYỄN THỊ VÂN ANH**  
 Người lập

  
**PHẠM THỊ LỆ THU**  
 Kế toán trưởng



  
**ĐOÀN MINH TÂM**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>(69.071.438.452)</b>	<b>(37.407.290.022)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	76.828.399.697	84.587.360.723
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	358.215.488	55.997.727
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(325.857.698)	(693.784.157)
- Chi phí lãi vay	06	9.714.543.661	10.024.441.764
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>17.503.862.696</b>	<b>56.566.726.035</b>
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	5.542.018.665	(17.955.992.273)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	5.569.347.697	3.134.109.932
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	55.376.016.151	(64.483.730.978)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(875.961.089)	(1.355.443.313)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.072.703.768)	(10.272.110.836)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(82.988.506)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	13.430.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.030.745.454)	(143.750.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>70.928.846.392</b>	<b>(34.496.761.433)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(50.235.808.723)	(62.474.786.750)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.692.727.273	313.632.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.385.000.000	31.373.804.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	288.362.894	647.405.780
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(42.869.718.556)</b>	<b>(30.139.944.970)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	110.832.057.421	98.138.562.981
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(128.793.470.144)	(76.827.231.812)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(17.961.412.723)</b>	<b>21.311.331.169</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b> (50 = 20 + 30 + 40)	50	10.097.715.113	(43.325.375.234)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	60	16.378.936.495	59.704.311.729
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> (70 = 50 + 60 + 61)	70	26.476.651.608	16.378.936.495


**NGUYỄN THỊ VÂN ANH** - Người lập  
**PHẠM THỊ LỆ THU** - Kế toán trưởng  
**ĐOÀN MINH TÂM** - Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Ngày 13/10/2016, Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 6887/UBCK-GSDC ngày 13/10/2016.

Ngày 02/11/2016, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán cho Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM (HNX) kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2016 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: BSG
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 60.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch theo mệnh giá: 600.000.000.000 VND.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Mời giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện - điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có 11 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

STT	Tên Xí Nghiệp	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Sửa chữa ô tô	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
2	Xí nghiệp Du lịch - Lữ hành (Saigonbus Travel)	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
3	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
4	Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch Sapaco	Số 592 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
5	Xí nghiệp vận tải số 1	Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
6	Xí nghiệp vận tải số 2	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
7	Xí nghiệp vận tải số 3	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
8	Xí nghiệp vận tải số 4	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
9	Xí nghiệp vận tải số 5	Số 439 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
10	Xí nghiệp vận tải số 6	Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
11	Xí nghiệp vận tải số 7	Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 1.099 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 1.295 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### **Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước tại số 171 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Do Công ty chưa ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hồ Chí Minh nên chưa biết thời gian phân bổ tiền thuê đất trả trước.

#### **Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh là giá trị tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu của Công ty được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA ngày 07 tháng 12 năm 2015. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 15 năm
Tài sản cố định khác	5 - 25 năm

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.11 Tiền lương

Công ty ghi nhận chi phí lương trong năm theo Quỹ lương. Quỹ lương được xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động bình quân theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa bao gồm lương tại Công ty). Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty ghi nhận chi phí lương theo quỹ lương kế hoạch của năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 402/NQ-ĐHĐCĐ/2019 ngày 08 tháng 04 năm 2019.

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các Cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các Cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### 4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### 4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.18 Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	TP. Hồ Chí Minh	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		Thành viên chủ chốt



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt – VND	6.020.080.457	8.310.180.167
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	17.071.526.521	8.068.711.698
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD (*)	44.630	44.630
Các khoản tương đương tiền (**)	3.385.000.000	-
	<b>26.476.651.608</b>	<b>16.378.936.495</b>

(\*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	1,97	44.630

(\*\*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với tổng số tiền 3.385.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo các hợp đồng tiền gửi số 50/2019/HĐTG ngày 13 tháng 03 năm 2019, hợp đồng tiền gửi số 64/2019/HĐTG ngày 26 tháng 03 năm 2019, lãi suất tiền gửi 4,5%/năm. Khoản tiền gửi này được dùng để thế chấp, bảo lãnh các khoản vay ngân hàng - Xem thêm thuyết minh ở mục 5.19.2.

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn - VND (*)	2.260.000.000	5.645.000.000
	<b>2.260.000.000</b>	<b>5.645.000.000</b>

(\*) Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi 12 tháng, chi tiết như sau:

- Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền 500.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo hợp đồng tiền gửi số 687/2016/HĐTG ngày 21 tháng 11 năm 2016, lãi suất tiền gửi 6,5%/năm.
- Duy trì khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền tối thiểu là 1.760.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) theo hợp đồng tiền gửi số 926/2016/09/013/HĐTG ngày 30 tháng 09 năm 2016, lãi suất tiền gửi 6,5%/năm. Khoản tiền gửi này được dùng để thế chấp, bảo lãnh các khoản vay ngân hàng - Xem thêm thuyết minh ở mục 5.19.2.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	87.558.000	343.440.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH GB Hà Nội	6.180.000.000	6.180.000.000
Công ty TNHH Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh	7.503.322.326	1.631.603.940
Công ty TNHH Bao bì Vĩnh Khang	6.219.726.512	6.124.189.241
Công ty TNHH Jones Lang Lasalle (Việt Nam)	2.713.001.635	4.277.981.166
Công ty TNHH Phúc Anh	3.861.000.000	-
Các khách hàng khác	16.906.188.166	14.053.588.238
	<b>43.470.796.639</b>	<b>32.610.802.585</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH Kỹ nghệ Thăng Long	1.377.749.150	2.668.369.849
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Vinh Hiền	596.945.568	322.234.400
Công ty TNHH Nón Xanh	481.739.500	1.006.211.500
Các nhà cung cấp khác	2.978.776.696	5.221.344.885
	<b>5.435.210.914</b>	<b>9.218.160.634</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b> (Xem Thuyết minh 9.1.2)				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên – Phải thu tiền góp vốn	5.613.191.770	-	5.613.191.770	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng:				
- Phải thu tiền trợ giá xe bus, đưa rước công nhân, đưa rước học sinh (a)	55.762.192.900	-	59.804.382.586	-
- Phải thu về tiền phạt mất chuyến đang chờ giải quyết	9.881.132.515	-	9.959.272.087	-
- Phải thu tiền vé tập	4.064.679.024	-	4.105.233.286	-
Phải thu ngân sách nhà nước – Dự án nhà 39 Hải Thượng Lãn Ông (b):	9.018.758.070	-	9.018.758.070	-
Các khoản tiền hỗ trợ lãi vay của ngân sách Nhà nước (c)	2.099.365.726	-	1.636.037.849	-
Quỹ lương chi vượt (Xem mục 5.15)	3.656.375.684	-	9.730.728.443	-
Quỹ khen thưởng	-	-	6.744.486.363	-
Phải thu từ các xí nghiệp vận tải tiền vé xe buýt phải nộp cho Công ty	2.493.930.500	-	1.449.239.000	-
Tạm ứng nhân viên	4.509.481.109	-	7.516.741.915	-
Ký cược, ký quỹ	939.569.438	-	1.022.961.688	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.452.966.144	-	3.179.987.834	-
	<b>99.491.642.880</b>	<b>-</b>	<b>119.781.020.891</b>	<b>-</b>

(a) Các khoản phải thu của Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt chưa được quyết toán.

(b) Đây là khoản phải thu ngân sách Nhà nước sau khi quyết toán đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Văn phòng làm việc của Công ty” được duyệt theo Quyết định số 3064/QĐ-UBND.TPHCM ngày 14 tháng 06 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

(c) Đây là khoản tiền hỗ trợ lãi vay của Ngân sách Nhà nước về việc Công ty đầu tư 212 xe Bus CNG theo “Đề án đầu tư xe buýt giai đoạn 2014-2017” của Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.5.2 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	185.120.000	-	139.470.000	-
	<b>185.120.000</b>	<b>-</b>	<b>139.470.000</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khách hàng – các khách hàng khác</b>						
Hoạt động vận chuyển hành khách	192.516.700	-	(192.516.700)	192.516.700	-	(192.516.700)
Công ty TNHH Du lịch Sài Gòn Bay	243.025.000	-	(243.025.000)	243.025.000	72.907.500	(170.117.500)
Các khách hàng khác	477.691.830	215.169.915	(262.521.915)	665.851.830	665.851.830	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>						
Hoạt động vận chuyển hành khách	189.920.000	94.960.000	(94.960.000)	240.579.758	168.405.831	(72.173.927)
	<b>1.103.153.530</b>	<b>310.129.915</b>	<b>(793.023.615)</b>	<b>1.341.973.288</b>	<b>907.165.161</b>	<b>(434.808.127)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số dư đầu năm	(434.808.127)	(378.810.400)
Trích lập dự phòng trong năm	(363.413.415)	(120.778.927)
Hoàn nhập trong năm	5.197.927	64.781.200
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(793.023.615)</b>	<b>(434.808.127)</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.845.633.975	-	35.836.236.914	-
Công cụ, dụng cụ	135.437.712	-	380.752.707	-
Thành phẩm	-	-	2.363.987.079	-
Hàng hóa	1.818.807.861	-	1.788.250.545	-
	<b>34.799.879.548</b>	<b>-</b>	<b>40.369.227.245</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí bảo hiểm xe	1.644.946.862	1.682.340.889
Phí đường bộ, đăng kiểm	172.722.000	147.772.959
Các chi phí trả trước khác	572.888.237	520.300.289
	<b>2.390.557.099</b>	<b>2.350.414.137</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ đánh giá lại	-	204.458.415
Chi phí bình điện	1.502.999.500	719.588.412
Lợi thế kinh doanh (a)	3.912.817.336	4.503.431.276
Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ (b)	8.944.963.213	8.944.963.213
Chi phí sửa chữa	1.273.692.120	1.177.381.849
Chi phí cải tạo văn phòng, bãi xe	466.688.212	545.478.528
Chi phí vỏ ruột	4.073.980.992	2.682.650.473
Máy in vé trên xe buýt	2.240.580.832	1.705.868.332
Chi phí máy móc, công cụ quản lý	576.835.795	624.622.522
Chi phí đèn led trên xe buýt	201.875.000	541.875.000
	<b>23.194.433.000</b>	<b>21.650.318.020</b>

(a) Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty bao gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển, được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA và Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty.

(b) Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty. Theo quy định về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì đối với những khu đất nhận chuyển nhượng hợp pháp có quyền sử dụng đất lâu dài khi chuyển sang hình thức thuê đất thì giá trị quyền sử dụng đất giao còn lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được xác định là số tiền doanh nghiệp đã trả trước cho khoản thời gian thuê nhất định theo giá thuê đất tại thời điểm doanh nghiệp hoàn tất thủ tục thuê đất với Cơ quan quản lý địa phương. Tuy nhiên, Công ty chưa ký được Hợp đồng thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh nên số tiền thuê đất nêu trên chưa có cơ sở để phân bổ theo thời gian thuê thực tế.



5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	127.139.459.921	6.566.266.841	1.219.161.773.693	11.746.365.603	1.627.282.435	1.366.241.148.493
Mua trong năm	-	-	2.434.333.261	120.850.000	-	2.555.183.261
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	1.237.280.909	-	-	1.237.280.909
Thanh lý trong năm	-	-	(77.601.157.657)	-	-	(77.601.157.657)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>127.139.459.921</b>	<b>6.566.266.841</b>	<b>1.145.232.230.206</b>	<b>11.867.215.603</b>	<b>1.627.282.435</b>	<b>1.292.432.455.006</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	51.581.167.650	4.984.222.947	685.201.045.743	8.469.937.787	1.115.862.480	751.352.236.607
Khấu hao trong năm	4.235.997.935	175.059.173	71.394.602.776	787.246.804	111.835.590	76.704.742.278
Thanh lý trong năm	-	-	(74.075.352.910)	-	-	(74.075.352.910)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>55.817.165.585</b>	<b>5.159.282.120</b>	<b>682.520.295.609</b>	<b>9.257.184.591</b>	<b>1.227.698.070</b>	<b>753.981.625.975</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2019	75.558.292.271	1.582.043.894	533.960.727.950	3.276.427.816	511.419.955	614.888.911.886
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>71.322.294.336</b>	<b>1.406.984.721</b>	<b>462.711.934.597</b>	<b>2.610.031.012</b>	<b>399.584.365</b>	<b>538.450.829.031</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2019	-	1.562.011.488	3.780.921.198	90.609.420	264.910.923	5.698.453.029
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>144.421.364</b>	<b>2.273.849.567</b>	<b>182.193.669.853</b>	<b>312.843.543</b>	<b>352.730.931</b>	<b>185.277.515.258</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị còn lại của phương tiện vận tải đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 282.162.515.677 VND (tại ngày 01/01/2019 là 311.177.509.663 VND) – Xem thêm *Thuyết minh mục 5.19*.

Trong tài sản cố định hữu hình có 2 công trình văn phòng và 278 xe Bus với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 60.226.090.511 VND hiện đang ngưng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và chờ thanh lý theo Biên bản họp số 05/BB-HDQT/SGB và Nghị quyết số 09/NQ-HDQT/SGB của Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 03 năm 2018. Kết quả lãi hoặc lỗ do thanh lý các công trình, phương tiện này sẽ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm thanh lý. Trong năm, Công ty chưa ghi nhận chi phí hao mòn của các tài sản nêu trên với giá trị khấu hao ước tính là 26.965.951.999 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phản mềm kế toán VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2019	683.740.000
Mua trong năm	146.360.000
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>830.100.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2019	218.612.041
Khấu hao trong năm	123.657.419
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>342.269.460</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2019	465.127.959
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>487.830.540</b>

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tài sản VND	Kết chuyển sang chi phí trả trước VND	31/12/2019 VND
Dự án mua 39 xe buýt tuyến 55	-	44.845.126.553	-	-	44.845.126.553
Mua xe ô tô	-	2.147.790.000	(1.237.280.909)	-	910.509.091
Dự án bãi xe cao tầng Số 592	554.992.727	109.090.909	-	-	664.083.636
Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh					
Phần mềm quản trị du lịch lữ hành	-	33.800.000	-	-	33.800.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	309.838.853	398.458.000	-	(708.296.853)	-
	<b>864.831.580</b>	<b>47.534.265.462</b>	<b>(1.237.280.909)</b>	<b>(708.296.853)</b>	<b>46.453.519.280</b>

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn

5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	11.228.951.353	10.295.300.980
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	49.140.000.000	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	53.704.933.902	30.667.168.146
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Ô tô Gia Định	6.201.000.000	6.201.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	3.980.423.548	3.329.278.861
Các nhà cung cấp khác	8.907.960.948	7.008.378.711
	<b>133.163.269.751</b>	<b>57.501.126.698</b>

5.12.2 Phải trả người bán dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	3.721.666.684	13.988.333.344
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Ô tô Gia Định	-	3.100.500.000
	<b>3.721.666.684</b>	<b>17.088.833.344</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thành Tuấn	597.214.150	597.214.150
Các khách hàng khác	17.789.084	139.312.084
	<b>615.003.234</b>	<b>736.526.234</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) nhà nước**

	01/01/2019		Số phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp/ Chuyển khấu trừ	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	400.904.375	-	22.095.884.008	(22.598.505.872)	-	(101.717.489)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.065.757.757)	-	(82.988.506)	-	(1.148.746.263)
Thuế thu nhập cá nhân	62.723.400	-	936.367.522	(1.089.650.819)	-	(90.559.897)
Thuế tài nguyên	456.320	-	5.372.800	(5.372.800)	456.320	-
Tiền thuê đất	-	(5.667.503.350)	4.834.682.911	(5.829.297.121)	-	(6.662.117.560)
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	250.707.304	(250.707.304)	-	-
Thuế môn bài	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.643.241	(7.643.241)	-	-
	<b>464.084.095</b>	<b>(6.733.261.107)</b>	<b>28.140.657.786</b>	<b>(29.874.165.663)</b>	<b>456.320</b>	<b>(8.003.141.209)</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận trước thuế theo kế toán	(69.071.438.452)	(37.407.290.022)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	820.932.562	903.446.911
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>(68.250.505.890)</b>	<b>(36.503.843.111)</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê (m<sup>2</sup>)</u>
Tại số 500 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	773,5
Tại số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	774,2
Tại số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	(*) 30.403,1
Tại số 439 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	(*) 7.458,8
Tại số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	(*) 27.476,9
Tại số 592 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	(**) 6.879,5
Tại số 171 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	(***) 1.575,8

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(\*) Là các khu đất thuê được miễn tiền thuê đất, cụ thể như sau:

Tại số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh: Quyết định số 1436/QĐ-CCT-TBTK ngày 16 tháng 8 năm 2010 về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2045, với diện tích được miễn tiền thuê đất là 29.179,4 m<sup>2</sup>.

Tại số 439 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh: Quyết định số 875/QĐ-CCT ngày 26 tháng 10 năm 2010 về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, với diện tích được miễn tiền thuê đất là 7.125,8 m<sup>2</sup>.

Tại số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh: Quyết định số 393/QĐ-CCT ngày 20 tháng 03 năm 2019 về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty từ ngày 29 tháng 08 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019, với diện tích được miễn tiền thuê đất là 24.452,3 m<sup>2</sup>.

(\*\*) Là khu đất đang tiến hành xin miễn tiền thuê đất.

(\*\*\*) Theo Công văn số 8722/CCT-LPTB ngày 31 tháng 07 năm 2019 của Chi cục thuế quận Bình Thạnh, tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh sẽ được xác định khi có được thông báo đơn giá của Phòng Kinh tế đất – Sở Tài nguyên Môi trường. Tại ngày 31/12/2019, khoản tiền thuê đất này được ghi nhận trên khoản mục Chi phí trả trước, xem *Thuyết minh 5.8.2*.

**5.15 Phải trả người lao động**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số dư bên Nợ (*) VND	Số dư bên Có VND	Số dư bên Nợ (*) VND	Số dư bên Có VND
Phải trả lương nhân viên	3.656.375.684	-	9.730.728.443	-
Phải trả lương viên chức quản lý	-	736.500.000	-	155.500.000
	<b>3.656.375.684</b>	<b>736.500.000</b>	<b>9.730.728.443</b>	<b>155.500.000</b>

(\*) Phải trả lương cho nhân viên có số dư bên nợ được trình bày tại mục "Phải thu ngắn hạn khác" – Xem mục 5.5.1.

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Chi phí lãi vay	91.325.811	449.485.918
Chi phí trả chậm dự án mua xe	345.391.082	219.084.293
Chi phí phải trả khác	110.069.000	211.591.567
	<b>546.785.893</b>	<b>880.161.778</b>

**5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Doanh thu cho thuê xe	-	120.000.000
Doanh thu du lịch lữ hành	1.423.659.091	1.826.783.163
Doanh thu cho thuê bề mặt quảng cáo trên thân xe buýt	109.232.649	144.545.456
Doanh thu cho thuê mặt bằng	219.237.676	313.842.676
Doanh thu xăng dầu	272.340.633	-
	<b>2.024.470.049</b>	<b>2.405.171.295</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Bảo hiểm xã hội	5.470.342	-
Tiền động phục phải trả	26.328.620	47.892.500
Bảo hiểm bồi thường tai nạn	32.062.298	30.042.298
Thủ lao thành viên chủ chốt	70.070.000	70.070.000
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	1.567.607.528	729.482.380
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	19.918.337	9.198.100
	<b>1.721.457.125</b>	<b>886.685.278</b>

**5.18.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	678.875.000	1.521.000.148
	<b>678.875.000</b>	<b>1.521.000.148</b>

**5.19 Vay ngắn hạn, dài hạn****5.19.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm (*)	39.916.117.350	39.916.117.350	13.213.784.621	13.213.784.621
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b> (Xem thuyết minh 5.19.2)				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh	10.803.200.000	10.803.200.000	10.803.200.000	10.803.200.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng	9.896.545.452	9.896.545.452	9.896.545.452	9.896.545.452
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng	7.764.000.000	7.764.000.000	7.764.000.000	7.764.000.000
	<b>84.579.862.802</b>	<b>84.579.862.802</b>	<b>57.877.530.073</b>	<b>57.877.530.073</b>

(\*) Hợp đồng vay số 289/2019-HĐCVHM/NHCT903-SATRANCO ngày 01 tháng 11 năm 2019 và văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo như sau:

Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Hạn mức cho vay	: 40.000.000.000 VND
Thời hạn cho vay	: Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng
Lãi suất	: Lãi suất cho vay ghi trên từng giấy nhận nợ.
Hình thức đảm bảo	: 34 xe ô tô buýt B47 nhãn hiệu SAMCO 47 chỗ thuộc sở hữu của Công ty với số tiền đảm bảo là 46.852.000.000 VND. 13 xe ô tô buýt B30 nhãn hiệu SAMCO 30 chỗ thuộc sở hữu của Công ty với số tiền đảm bảo là 16.224.000.000 VND. 1 xe ô tô buýt B47 nhãn hiệu SAMCO 47 chỗ thuộc sở hữu của Công ty với số tiền đảm bảo là 1.378.000.000 VND.
Số dư tại ngày 31/12/2019	: 39.916.117.350 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2019 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2019 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	13.213.784.621	110.832.057.421	-	(84.129.724.692)	39.916.117.350
Vay dài hạn đến hạn trả	44.663.745.452	-	44.663.745.452	(44.663.745.452)	44.663.745.452
	<b>57.877.530.073</b>	<b>110.832.057.421</b>	<b>44.663.745.452</b>	<b>(128.793.470.144)</b>	<b>84.579.862.802</b>

**5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh (a)	38.242.900.000	38.242.900.000	49.046.100.000	49.046.100.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm (b)	36.827.400.000	36.827.400.000	53.027.400.000	53.027.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng (c)	39.586.181.825	39.586.181.825	49.482.727.277	49.482.727.277
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng (d)	40.754.700.000	40.754.700.000	48.518.700.000	48.518.700.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 5.19.1)	(44.663.745.452)	(44.663.745.452)	(44.663.745.452)	(44.663.745.452)
	<b>110.747.436.373</b>	<b>110.747.436.373</b>	<b>155.411.181.825</b>	<b>155.411.181.825</b>

(a) Đây là khoản vay dài hạn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng vay số 88/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 17 tháng 07 năm 2016 như sau:

Mục đích vay	: Thực hiện Giai đoạn 2 "Dự án thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại TP. Hồ Chí Minh, 19 xe bus CNG".
Hạn mức cho vay	: 55.825.000.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư giai đoạn 2 của dự án.
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/9/2016 là 8,675% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/07 và ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (loại trả lãi sau) của bốn ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản hình thành từ dự án 29 xe bus CNG Toàn bộ nguồn thu từ dự án, trợ giá, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà Nước. Duy trì tài khoản với tổng số tiền 3.385.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Xem thêm mục 5.1
Số dư tại ngày 31/12/2019	: 29.959.500.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 8.588.000.000 VND Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 21.371.500.000 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Hợp đồng vay số 136/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 23 tháng 09 năm 2016 như sau:

Mục đích vay : Đầu tư 17 xe buýt sử dụng nhiên liệu DIESEL loại 40 chỗ "đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng" thuộc dự án số 717A/QĐ-XKSG ngày 18/05/2016.

Hạn mức cho vay : 14.375.2000.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư "Đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng"

Thời hạn cho vay : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất : Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/09/2016 là 8,875% (trên cơ sở 360 ngày).  
Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng /lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/07 và ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (loại trả lãi sau) của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

Hình thức đảm bảo : Thế chấp tài sản hình thành từ dự án là 17 xe bus sử dụng nhiên liệu diesel. Toàn bộ nguồn thu từ dự án, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà Nước tại Ngân hàng PVCombank Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.  
Duy trì một hoặc nhiều tài khoản tiền gửi với tổng số tiền tối thiểu là 1.760.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Số dư tại ngày 31/12/2019 : 8.283.400.000 VND, trong đó:  
Nợ đến hạn trả là: 2.215.200.000 VND  
Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 6.068.200.000 VND

(b) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng vay số 290/2016-HDTDDA/NHCT903-SATRANCO ngày 30 tháng 11 năm 2016:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý tài sản cố định là xe buýt hiệu SAMCO Bus B47 và SAMCO Bus B30.

Hạn mức cho vay : 80.627.400.000 VND

Thời hạn cho vay : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất : Lãi suất lãi vay thả nổi.  
Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,02%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng.  
Lãi suất cho vay được điều chỉnh một tháng 1 lần.  
Lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của 4 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2,34%/năm.

Hình thức đảm bảo : Đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có

Số dư tại ngày 31/12/2019 : 36.827.400.000 VND, trong đó:  
Nợ đến hạn trả là: 16.200.000.000 VND  
Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 20.627.400.000 VND

(c) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng vay số 0071/KHDN/16DH ngày 07 tháng 12 năm 2016:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định là xe bus hiệu SAMCO Bus B47 thuộc "dự án đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt".  
Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán vượt phần vốn còn phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án.

Hạn mức cho vay : 76.203.400.000 VND nhưng không quá 65,5% tổng mức đầu tư của dự án (chưa bao gồm VAT)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thời hạn cho vay : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất : Áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2,34%/năm.

Hình thức đảm bảo : Bẩy mươi chín (79) phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty.

Số dư tại ngày 31/12/2019 : 39.586.181.825 VND, trong đó:  
Nợ đến hạn trả là: 9.896.545.452 VND  
Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 29.689.636.373 VND

(d) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng vay số 0008/DADT-KNDN/18 ngày 15 tháng 03 năm 2018:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án thay đổi xe buýt mới trên tuyến xe buýt Bến xe Quận 8 – Bến xe Miền Đông và Bến xe Miền Tây - Gò Vấp.

Hạn mức cho vay : 54.342.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư (đã bao gồm VAT)

Thời hạn cho vay : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất : Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam trả lãi sau bình quân của bốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh TP.HCM, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh TP.HCM, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh TP.HCM và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh TP.HCM biên độ 2,34%/năm.

Hình thức đảm bảo : Thế chấp tài sản là: 34 xe ô tô khách thành phố mới 100%, nhãn hiệu Samco City 1.51 CNG và 5 xe ô tô khách thành phố mới 100%, nhãn hiệu Samco City H.68 CNG lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2017

Số dư tại ngày 31/12/2019 : 40.754.700.000 VND, trong đó:  
Nợ đến hạn trả là: 7.764.000.000 VND  
Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 32.990.700.000 VND

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh	38.242.900.000	10.803.200.000	27.439.700.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	36.827.400.000	16.200.000.000	20.627.400.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	80.340.881.825	17.660.545.452	60.745.636.373	1.934.700.000
	<b>155.411.181.825</b>	<b>44.663.745.452</b>	<b>108.812.736.373</b>	<b>1.934.700.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh	49.046.100.000	10.803.200.000	38.242.900.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	53.027.400.000	16.200.000.000	36.827.400.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	98.001.427.277	17.660.545.452	70.642.181.825	9.698.700.000
	<b>200.074.927.277</b>	<b>44.663.745.452</b>	<b>145.712.481.825</b>	<b>9.698.700.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2019 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển sang vay ngắn hạn VND	31/12/2019 VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh	38.242.900.000	-	(10.803.200.000)	27.439.700.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	36.827.400.000	-	(16.200.000.000)	20.627.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	80.340.881.825	-	(17.660.545.452)	62.680.336.373
	<b>155.411.181.825</b>	<b>-</b>	<b>(44.663.745.452)</b>	<b>110.747.436.373</b>

**5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2019		Phát sinh trong năm		31/12/2019
	Số dư Nợ (*) VND	Số dư có VND	Trích quỹ trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	Số dư có VND
Quỹ khen thưởng	6.744.486.363	-	6.823.616.363	(5.200.000)	73.930.000
Quỹ phúc lợi	-	1.914.025.640	-	(1.911.000.000)	3.025.640
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	365.835.493	109.958.715	-	475.794.208
	<b>6.744.486.363</b>	<b>2.279.861.133</b>	<b>6.933.575.078</b>	<b>(1.916.200.000)</b>	<b>552.749.848</b>

(\*) Số dư bên nợ Quỹ khen thưởng được trình bày tại mục 5.5.1 – Phải thu ngắn hạn khác.

**5.21 Vốn chủ sở hữu****5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	600.000.000.000	13.162.508.099	9.018.758.070	622.181.266.169
Lỗi trong năm	-	(37.407.290.022)	-	(37.407.290.022)
Trích quỹ khen thưởng	-	(198.450.000)	-	(198.450.000)
Chia cổ tức	-	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)
Giảm khác	-	(7.419.715)	-	(7.419.715)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>(30.450.651.638)</b>	<b>9.018.758.070</b>	<b>578.568.106.432</b>
Tại ngày 01/01/2019	600.000.000.000	(30.450.651.638)	9.018.758.070	578.568.106.432
Lỗi trong năm	-	(69.071.438.452)	-	(69.071.438.452)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(6.933.575.078)	-	(6.933.575.078)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>(106.455.665.168)</b>	<b>9.018.758.070</b>	<b>502.563.092.902</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	294.000.000.000	49,00	294.000.000.000	49,00
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	144.274.000.000	24,05	144.274.000.000	24,05
Ông Phạm Anh Hưng	90.000.000.000	15,00	90.000.000.000	15,00
Ông Nguyễn Văn Thành	45.000.000.000	7,50	45.000.000.000	7,50
Các cổ đông khác	26.726.000.000	4,45	26.726.000.000	4,45
	<b>600.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**5.21.3 Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**5.21.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận của giai đoạn nhà nước từ 01/01/2015 đến khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần ngày 18/08/2016 theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 68/NQ-HĐTV ngày 25 tháng 06 năm 2019 của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên (Công ty Mẹ) như sau:

	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.933.575.078

**5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Tài sản thuê ngoài**

Căn cứ vào hợp đồng thuê đất của Công ty, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	10.366.837.415	4.415.448.536
Trên 1 năm đến 5 năm	9.794.652.296	17.661.794.144
Trên 5 năm	39.559.761.920	161.260.514.996
	<b>59.721.251.631</b>	<b>183.337.757.676</b>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 774,2 m<sup>2</sup> đất tại 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 1.228.800 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê số 3744/HĐ-STNMT-QLĐ được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016.
- Tổng số tiền thuê 27.476,9 m<sup>2</sup> đất tại 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.311,8 m<sup>2</sup> là đất thương mại, dịch vụ, cửa hàng mua bán và diện tích 712,8 m<sup>2</sup> là đất làm trạm nạp-khí, trạm xăng dầu lần lượt với giá thuê là 675.488 VND/m<sup>2</sup>/năm và 298.637 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê số 10134/HĐ-STNMT-QLĐ được ký ngày 22/10/2018.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Tổng số tiền thuê 6.879,5 m<sup>2</sup> đất tại 592 đường Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh với diện tích 255 m<sup>2</sup> là đất thương mại, dịch vụ và diện tích 6.624,5 m<sup>2</sup> là đất bến bãi đậu xe buýt lần lượt với giá thuê là 882.816 VND/m<sup>2</sup>/năm và 292.723 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê số 3743/HĐ-STNMT-QLĐ được ký ngày 19/05/2019.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	80.573.302.493	88.183.387.909
Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	496.837.310.649	540.753.026.650
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>577.410.613.142</b>	<b>628.936.414.559</b>

- (\*) Năm 2019, Công ty đang tính doanh thu trợ giá theo Quyết định 23/2012/QĐ-UBND ngày 09/06/2012 của Ủy ban nhân dân TP.HCM và có bổ sung kinh phí trợ giá xe buýt do điều chỉnh ca máy đối với các phương tiện đầu tư mới theo Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30/08/2019. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ năm 2014 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan**

Bên liên quan	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	7.699.488.365	8.994.778.137
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	6.031.871.174	4.242.232.791
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	4.281.546.479	3.514.859.249
	<b>18.012.906.018</b>	<b>16.751.870.177</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Giá vốn bán hàng hóa</b>	<b>77.776.850.516</b>	<b>84.893.060.565</b>
<b>Giá vốn cung cấp dịch vụ</b>	<b>510.719.579.727</b>	<b>522.457.017.133</b>
	<b>588.496.430.243</b>	<b>607.350.077.698</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	273.480.626	647.405.780
	<b>273.480.626</b>	<b>647.405.780</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lãi vay	9.714.543.661	10.024.441.764
Lãi trả chậm	1.408.944.602	1.914.112.406
	<b>11.123.488.263</b>	<b>11.938.554.170</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí bảo dưỡng, lưu kho xăng dầu	542.450.500	1.137.374.157
	<b>542.450.500</b>	<b>1.137.374.157</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	18.175.365.781	16.655.919.809
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	4.794.545.050	4.170.075.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	887.723.729	1.912.096.216
Thuế, phí, lệ phí	5.940.710.909	5.881.276.080
Chi phí dự phòng	17.414.177.945	18.003.634.058
Tiền điện, điện thoại, internet	358.215.488	55.997.727
Chi phí dịch vụ	7.973.307.530	8.970.668.142
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.868.643.348	5.043.379.302
	<b>61.412.689.780</b>	<b>60.693.046.814</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	52.377.072	46.378.377
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	14.054.985.435	13.251.823.133
Tiền điện nước từ cho thuê mặt bằng	1.598.121.255	1.463.570.961
Thu nhập từ sửa chữa xe	128.660.000	142.292.910
Thu nhập từ quảng cáo	411.676.443	288.636.363
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	36.921.520
Thu nhập khác	178.838.551	231.451.590
	<b>16.424.658.756</b>	<b>15.461.074.854</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Phân bổ lợi thế kinh doanh	590.613.940	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định cho thuê mặt bằng	-	227.411.393
Phân bổ công cụ dụng cụ đánh giá lại	204.458.415	-
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	-	42.559.213
Phạt vi phạm hành chính	420.179.974	107.832
Chi phí khác	389.879.861	1.063.053.938
	<b>1.605.132.190</b>	<b>1.333.132.376</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(69.071.438.452)	(37.407.290.022)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.933.575.078)	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(76.005.013.530)	(37.407.290.022)
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	60.000.000	60.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(1.267)</b>	<b>(623)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2019 Cổ phiếu	Năm 2018 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	60.000.000	60.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.698.845.741	138.140.282.699
Chi phí nhân công	177.896.148.260	168.794.559.579
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.828.399.697	84.587.360.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.712.006.153	161.289.505.490
Chi phí bằng tiền khác	28.189.998.998	31.976.805.168
	<b>604.325.398.849</b>	<b>584.788.513.659</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	110.832.057.421	98.138.562.981
	<b>110.832.057.421</b>	<b>98.138.562.981</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	128.793.470.144	76.827.231.812
	<b>128.793.470.144</b>	<b>76.827.231.812</b>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>			
Phải trả người bán	133.163.269.751	3.721.666.684	136.884.936.435
Chi phí phải trả	546.785.893	-	546.785.893
Phải trả khác	148.379.255	-	148.379.255
Các khoản nhận ký quỹ ký cược	1.567.607.528	678.875.000	2.246.482.528
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	84.579.862.802	110.747.436.373	195.327.299.175
	<b>220.005.905.229</b>	<b>115.147.978.057</b>	<b>335.153.883.286</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2019</b>			
Phải trả người bán	57.501.126.698	17.088.833.344	74.589.960.042
Chi phí phải trả	880.161.778	-	880.161.778
Phải trả khác	157.202.898	-	157.202.898
Các khoản nhận ký quỹ ký cược	729.482.380	1.521.000.148	2.250.482.528
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	57.877.530.073	155.411.181.825	213.288.711.898
	<b>117.145.503.827</b>	<b>174.021.015.317</b>	<b>291.166.519.144</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã cầm cố tiền gửi có kỳ hạn, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.1 và 5.9).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo là nhận ký quỹ, ký cược của một bên khác tại ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019 (Thuyết minh số 5.18).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**iv. Giá trị hợp lý**

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.260.000.000	5.645.000.000	2.260.000.000	5.645.000.000
Phải thu khách hàng	43.383.238.639	32.267.362.585	42.685.175.024	31.904.728.385
Phải thu các bên liên quan	5.700.749.770	5.956.631.770	5.700.749.770	5.956.631.770
Phải thu khác	87.549.129.563	103.344.589.742	87.454.169.563	103.272.415.815
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	1.124.689.438	1.162.431.688	1.124.689.438	1.162.431.688
<b>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.476.651.608	16.378.936.495	26.476.651.608	16.378.936.495
	<b>166.494.459.018</b>	<b>164.754.952.280</b>	<b>165.701.435.403</b>	<b>164.320.144.153</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán	72.794.318.398	50.306.325.718	72.794.318.398	50.306.325.718
Phải trả các bên liên quan	64.090.618.037	24.283.634.324	64.090.618.037	24.283.634.324
Chi phí phải trả	546.785.893	880.161.778	546.785.893	880.161.778
Phải trả khác	148.379.255	157.202.898	148.379.255	157.202.898
Vay và nợ	195.327.299.175	213.288.711.898	195.327.299.175	213.288.711.898
Các khoản nhận ký quỹ ký cược	2.246.482.528	2.250.482.528	2.246.482.528	2.250.482.528
	<b>335.153.883.286</b>	<b>291.166.519.144</b>	<b>335.153.883.286</b>	<b>291.166.519.144</b>

(\*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

**Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Nợ phải trả tài chính phi phái sinh**

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

**v. Phòng ngừa rủi ro**

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	3.584.000.000	2.756.000.000

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên</b>			
	Mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản	1.188.068.378	53.231.144.039
	Cung cấp dịch vụ	7.699.488.365	8.994.778.137
<b>Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây</b>			
	Tiền dịch vụ bến bãi	439.839.342	457.630.070
	Cung cấp dịch vụ	6.181.368.447	4.242.232.791
<b>Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông</b>			
	Tiền dịch vụ bến bãi	210.934.088	286.648.184
	Cung cấp dịch vụ	4.281.546.479	3.514.859.249
<b>Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn</b>			
	Tiền dịch vụ bến bãi	405.359.366	447.510.453
<b>Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây</b>			
	Mua tài sản cố định	44.672.727.276	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo thị trường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Công nợ phải thu/ phải trả với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận tải Sài Gòn –TNHH MTV</b>			
	Phải thu thương mại (Xem Thuyết minh 5.3)	87.558.000	343.440.000
	Phải thu ngắn hạn khác (Xem Thuyết minh 5.5.1)	5.613.191.770	5.613.191.770
	Phải trả thương mại – ngắn hạn (Xem Thuyết minh 5.12)	11.228.951.353	10.295.300.980
	Phải trả thương mại – dài hạn (Xem Thuyết minh 5.12)	3.721.666.684	13.988.333.344
<b>Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây</b>			
	Phải trả thương mại – ngắn hạn (Xem Thuyết minh 5.12)	49.140.000.000	-

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**9.2 Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực dịch vụ, thương mại tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

**9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2019) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

  
**NGUYỄN THỊ VĂN ANH**  
 Người lập

  
**PHẠM THỊ LỆ THU**  
 Kế toán trưởng

  
**ĐOÀN MINH TÂM**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2020

### XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

